

THỜI GIAN HỌC TẬP VÀ GIẢNG DẠY

SÁNG			CHIỀU			TỐI		
Tiết	Thời gian học	Nghỉ	Tiết	Thời gian học	Nghỉ	Tiết	Thời gian học	Nghỉ
1	07h00' ÷ 07h50'	10'	7	13h00' ÷ 13h50'	10'	13	19h00' ÷ 19h50'	10'
2	08h00' ÷ 08h50'	10'	8	14h00' ÷ 14h50'	10'	14	20h00' ÷ 20h50'	
3	09h00' ÷ 09h50'	10'	9	15h00' ÷ 15h50'	10'			
4	10h00' ÷ 10h50'	10'	10	16h00' ÷ 16h50'	10'			
5	11h00' ÷ 11h50'	10'	11	17h00' ÷ 17h50'	10'			
6	12h00' ÷ 12h50'	10'	12	18h00' ÷ 18h50'	10'			

Ghi chú: Áp dụng thống nhất đối với cả giờ học tại giảng đường, tại phòng máy tính, phòng thí nghiệm.

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ**

**THỜI KHÓA BIỂU
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024**

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN									
Ngành Công nghệ nông nghiệp									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-AG									
PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	PHI1002 1	85	Trường KHXHNV	2	3-4	103-G2	CL
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 1	40	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh TS. Lê Trần Mạnh	6	7-9	203-GĐ3	CL
AGT2004	Hóa phân tích ứng dụng trong nông nghiệp	3	AGT2004 1	40	TS. Lê Thị Hiên TS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh TS. Vũ Thị Huyền	3	10-12	203-GĐ3	CL
AGT2004	Hóa phân tích ứng dụng trong nông nghiệp (học tuần 14, 15)	3	AGT2004 1	20	TS. Lê Thị Hiên TS. Vũ Thị Huyền	7	7-11	404-406-E5	1
AGT2004	Hóa phân tích ứng dụng trong nông nghiệp (học tuần 12, 13)	3	AGT2004 1	20	TS. Lê Thị Hiên TS. Vũ Thị Huyền	7	7-11	404-406-E5	2
AGT2005	Trồng trọt đại cương	3	AGT2005 1	40	TS. Nguyễn Lê Khanh TS. Trần Đăng Khoa	6	3-5	217-GĐ3	CL
AGT2005	Trồng trọt đại cương (học tuần 8, 9)	3	AGT2005 1	20	TS. Nguyễn Lê Khanh	3	1-5	Hòa lạc	1
AGT2005	Trồng trọt đại cương (học tuần 10, 11)	3	AGT2005 1	20	TS. Trần Đăng Khoa	3	1-5	Hòa lạc	2
AGT2011	Công nghệ sinh học đại cương	3	AGT2011 1	40	TS. Hà Thị Quyên TS. Chu Đức Hà TS. Trần Đăng Khoa	4	7-9	203-GĐ3	CL
AGT2011	Công nghệ sinh học đại cương (học tuần 10, 11)	3	AGT2011 1	20	TS. Hà Thị Quyên	7	1-5	404-406-E5	1
AGT2011	Công nghệ sinh học đại cương (học tuần 12, 13)	3	AGT2011 1	20	TS. Trần Đăng Khoa	7	1-5	404-406-E5	2
EMA2005	Kỹ thuật điện và điện tử (LT)	3	EMA2005 1	40	TS. Phạm Minh Triển	4	10-12	203-GĐ3	CL
EMA2005	Kỹ thuật điện và điện tử (TH)	3	EMA2005 1	40	TS. Phạm Minh Triển	5	7-9	203-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 3	40	Trường ĐHNN	2	7-11	203-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-AG									
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 1	80	TS. Hoàng Thị Hải Yến	4	7-8	3-G3	CL
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 2	90	TS. Hoàng Thị Hải Yến	4	9-10	3-G3	CL
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 2	80	Trường KHXHNV	6	7-8	3-G3	CL
AGT3013	Hệ sinh thái nông nghiệp và nông nghiệp bền vững	3	AGT3013 1	56	TS. Phạm Châu Thùy TS. Chu Đức Hà	5	10-12	210-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
AGT3017	Hệ thống kiểm định chất lượng nông sản, thực phẩm (học tuần 1-8)	3	AGT3017 1	56	PGS.TS. Lê Thị Hồng Hào TS. Vũ Thị Huyền	3	1-4	Viện kiểm nghiệm ATVSTP QG	CL
AGT3017	Hệ thống kiểm định chất lượng nông sản, thực phẩm (học tuần 10-15)	3	AGT3017 1	18	TS. Vũ Thị Huyền	7	1-5	Viện kiểm nghiệm ATVSTP QG	1
AGT3017	Hệ thống kiểm định chất lượng nông sản, thực phẩm (học tuần 10-15)	3	AGT3017 1	19	PGS.TS. Lê Thị Hồng Hào	4	1-5	Viện kiểm nghiệm ATVSTP QG	2
AGT3017	Hệ thống kiểm định chất lượng nông sản, thực phẩm (học tuần 10-15)	3	AGT3017 1	19	PGS.TS. Lê Thị Hồng Hào	7	7-11	Viện kiểm nghiệm ATVSTP QG	3
INE1050	Kinh tế vi mô (môn tự chọn)	3	INE1050 1	60	PGS.TS. Trần Thị Lan Hương	3	10-12	206-GĐ3	CL
	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành	6		56					
AGT2008	Khí tượng nông nghiệp và biến đổi khí hậu (môn tự chọn)	3	AGT2008 1	40	PGS.TS. Dương Văn Khảm TS. Phạm Châu Thùy TS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh	3	7-9	211-GĐ3	CL
AGT2009	Công nghệ nano trong nông nghiệp (môn tự chọn)	3	AGT2009 1	40	TS. Lê Thị Hiên TS. Vũ Thị Huyền	3	7-9	213-GĐ3	CL
AGT2009	Công nghệ nano trong nông nghiệp (môn tự chọn) (học tuần 14, 15)	3	AGT2009 1	20	TS. Lê Thị Hiên TS. Vũ Thị Huyền	2	7-11	404-406-E5	1
AGT2009	Công nghệ nano trong nông nghiệp (môn tự chọn) (học tuần 12, 13)	3	AGT2009 1	20	TS. Lê Thị Hiên TS. Vũ Thị Huyền	2	7-11	404-406-E5	2
AGT2012	Quản trị sản xuất và logistics trong nông nghiệp (môn tự chọn)	3	AGT2012 1	40	TS. Nguyễn Lê Khanh ThS. Đỗ Mạnh Hùng ThS. Nguyễn Thị Hồng Việt	6	10-12	310-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-AG									
AGT4001	Dự án Công nghệ Nông nghiệp	2	AGT4001 1	50	TS. Phạm Châu Thùy TS. Lê Thị Hiên TS. Nguyễn Lê Khanh TS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh	3	1-3	307-GĐ2	CL
AGT4003	Rèn nghề Công nghệ Nông nghiệp	3	AGT4003 1	25	TS. Lê Thị Hiên TS. Hà Thị Quyên TS. Nguyễn Lê Khanh TS. Trần Đăng Khoa	5	1-5	Hòa lạc	CL
AGT4003	Rèn nghề Công nghệ Nông nghiệp	3	AGT4003 2	25	TS. Lê Thị Hiên	5	7-11	Hòa lạc	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
					TS. Hà Thị Quyên TS. Nguyễn Lê Khanh TS. Trần Đăng Khoa				
	Học phần bắt buộc theo định hướng chuyên sâu	9		50					
	Định hướng chuyên sâu về Nông nghiệp kỹ thuật số	9							
INT2013	Kiến trúc máy tính và mạng truyền thông công nghiệp	3	INT2013 2	40	TS. Phạm Minh Triển	3	7-9	203-GĐ3	CL
AGT3019	Các vấn đề hiện đại trong nông nghiệp kỹ thuật số	3	AGT3019 1	25	TS. Phạm Minh Triển TS. Phạm Châu Thùy TS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh	4	7-9	213-GĐ3	CL
ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	ELT3048 1	80	TS. Nguyễn Ngọc An	4	10-11	102-GĐ3	CL
ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	ELT3048 1	40	ThS. Phạm Xuân Lộc	2	5-6	PM201-G2	1
	Định hướng chuyên sâu về Công nghệ sinh học nông nghiệp	9							
AGT3021	Công nghệ vi sinh nông nghiệp (LT)	3	AGT3021 1	25	TS. Hà Thị Quyên TS. Vũ Thị Huyền	2	1-3	213-GĐ3	CL
AGT3021	Công nghệ vi sinh nông nghiệp (TH) (Học tuần 10-15)	3	AGT3021 1	25	TS. Hà Thị Quyên TS. Vũ Thị Huyền	4	1-5	404-406-E5	CL
AGT3023	Công nghệ nhân giống cây trồng và vật nuôi (LT)	3	AGT3023 1	25	TS. Nguyễn Lê Khanh	2	4-5	213-GĐ3	CL
AGT3023	Công nghệ nhân giống cây trồng và vật nuôi (TH) (Học tuần 10-15)	3	AGT3023 1	25	TS. Nguyễn Lê Khanh	3	7-11	404-406-E5 Hòa Lạc	CL
AGT3024	Các vấn đề hiện đại trong công nghệ sinh học nông nghiệp	3	AGT3024 1	25	GS.TS. Lê Huy Hàm TS. Chu Đức Hà	7	7-9	303-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-AG									
AGT4000	Đề án tốt nghiệp	10	AGT4000 1	30	Khoa CNNN	CN	7-11	Khoa CNNN	CL
Ngành Công nghệ Hàng không vũ trụ									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-AE									
PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	PHI1002 2	80	Trường KHXHNV	4	3-4	308-GĐ2	CL
AER2005	Cơ học kỹ thuật cho Công nghệ Hàng không Vũ trụ	4	AER2005 1	80	PGS.TS. Đào Như Mai ThS. Đỗ Huy Điệp	6	1-4	308-GĐ2	CL
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 3	80	TS. Lê Đình Anh	6	5-6	308-GĐ2	CL
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 3	40	TS. Lê Đình Anh	5	3-4	306-GĐ2	1
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 3	40	TS. Lê Đình Anh	5	5-6	306-GĐ2	2
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 2	80	TS. Nguyễn Hoàng Quân	2	1-3	308-GĐ2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 2	40	KS. Trần Đăng Huy	2	4-5	301-GĐ2	1
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 2	40	KS. Trần Đăng Huy	3	1-2	203-GĐ3	2
AER2002	Cơ học chất lỏng	4	AER2002 1	80	TS. Lê Đình Anh	3	4-6	102-GĐ3	CL
AER2002	Cơ học chất lỏng	4	AER2002 1	40	TS. Lê Đình Anh	2	9-10	304-GĐ2	1
AER2002	Cơ học chất lỏng (học tuần 8, 10)	4	AER2002 1	40	KS. Bành Đức Minh	7	7-11	Hòa Lạc	1
AER2002	Cơ học chất lỏng	4	AER2002 1	40	TS. Lê Đình Anh	2	7-8	304-GĐ2	2
AER2002	Cơ học chất lỏng (học tuần 9, 11)	4	AER2002 1	40	KS. Bành Đức Minh	7	7-11	Hòa Lạc	2
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 6	80	Khoa CNTT	7	1-3	308-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-AE									
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 1	80	TS. Nguyễn Hoàng Quân	3	4-6	308-GĐ2	CL
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 1	40	KS. Trần Đăng Huy	5	9-10	306-GĐ2	1
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 1	40	KS. Trần Đăng Huy	5	7-8	306-GĐ2	2
AER2006	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	3	AER2006 1	56	TS. Lê Đình Anh	2	4-5	307-GĐ2	CL
AER2006	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	3	AER2006 1	28	KS. Bành Đức Minh	5	7-8	PM401-E5	1
AER2006	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	3	AER2006 1	28	KS. Bành Đức Minh	5	9-10	PM401-E5	2
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 1	56	TS. Lê Quang Minh	2	7-8	301-GĐ2	CL
INT2215	Lập trình nâng cao (học tuần 2-9)	4	INT2215 1	56	TS. Lê Quang Minh	2	1-2	Học online	CL
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 1	28	KS. Bành Đức Minh	3	11-12	PM501-E5	1
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 1	28	KS. Bành Đức Minh	3	9-10	PM501-E5	2
EMA2038	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	EMA2038 1	56	TS. Nguyễn Hoàng Quân	6	7-9	301-GĐ2	CL
EMA2038	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	EMA2038 1	28	TS. Nguyễn Hoàng Quân	3	9-10	306-GĐ2	1
EMA2038	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	EMA2038 1	28	TS. Nguyễn Hoàng Quân	3	11-12	306-GĐ2	2
AER3051	Lý thuyết điều khiển tự động	3	AER3051 1	56	TS. Nguyễn Duy Trung	5	11-13	304-GĐ2	CL
AER3001	Kết cấu hàng không	3	AER3001 1	56	TS. Nguyễn Hoàng Quân	4	9-11	301-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-AE									
	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu	18		66					
	Định hướng Công nghệ thông tin, điện tử hàng không	18							
AER3006	Nhập môn hệ thống thông tin địa lý	3	AER3006 1	20	TS. Hà Minh Cường	2	3-5	204-GĐ3	CL
AER3007	Xử lý ảnh viễn thám (LT)	3	AER3007 1	20	TS. Hà Minh Cường	2	1-2	204-GĐ3	CL
AER3007	Xử lý ảnh viễn thám (TH)	3	AER3007 1	20	KS. Hoàng Tích Phúc	5	1-2	204-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
AER3015	Nhập môn viễn thám	3	AER3015 1	20	TS. Hà Minh Cường	5	3-5	204-GĐ3	CL
INT3108	Lập trình nhúng và thời gian thực (LT)	3	INT3108 1	30	TS. Lê Quang Minh	3	1-2	204-GĐ3	CL
INT3108	Lập trình nhúng và thời gian thực (TH)	3	INT3108 1	30	TS. Lê Quang Minh	6	5-6	PM305-G2	CL
AER3019	Nguyên lý Rada	3	AER3019 1	20	GS.TS. Bạch Gia Dương	3	3-5	204-GĐ3	CL
AER3017	Phát triển hệ thống nhúng bảo mật	3	AER3017 1	20	TS. Bùi Duy Hiếu PGS.TS. Trần Xuân Tú	5	7-9	209-GĐ3	CL
	Định hướng Động lực học, điều khiển và cơ khí hàng không	18							
AER3026	Kiểm tra và bảo dưỡng máy bay	3	AER3026 1	36	TS. Dương Việt Dũng	6	1-4	204-GĐ3	CL
AER3023	Động lực học bay và điều khiển	3	AER3023 1	36	TS. Trần Thế Hùng	7	1-4	204-GĐ3	CL
EMA3064	Điều khiển điện thủy khí	3	EMA3064 1	36	TS. Nguyễn Hoàng Quân KS. Trần Đăng Huy	4	1-3	204-GĐ3	CL
AER3025	Kỹ thuật mô hình và mô phỏng thiết bị bay	3	AER3025 1	36	TS. Dương Việt Dũng	2	1-4	203-GĐ3	CL
AER3024	Công nghệ chế tạo, CAM và CNC (LT)	3	AER3024 1	36	TS. Ngô Trọng Bình	4	4-5	204-GĐ3	CL
AER3024	Công nghệ chế tạo, CAM và CNC (TH) (học tuần 10-15)	3	AER3024 1	36	TS. Ngô Trọng Bình	3	1-5	Hòa Lạc	CL
AER3035	Nguyên lý định vị và dẫn đường thiết bị hàng không	3	AER3035 1	36	Viện CNHKVT	7	7-10	204-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-AE									
AER4002	Thực tập tốt nghiệp	3	AER4002 1	60	TS. Dương Việt Dũng	CN	1-5	Viện CNHKVT	CL
AER4050	Đồ án tốt nghiệp	10	AER4050	60	Viện CNHKVT	CN	7-11	Viện CNHKVT	CL
Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-XD									
Lớp số 1									
PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	PHI1006 10	110	TS. Nguyễn Thị Lan	6	1-3	3-G3	CL
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 5	90	Trường KHXHNV	6	11-12	3-G3	CL
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 2	56	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức	4	3-5	301-GĐ2	CL
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 2	28	KS. Phạm Đình Nguyên	3	1-2	304-GĐ2	1
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 2	28	KS. Phạm Đình Nguyên	3	7-8	216-GĐ3	2
CTE2017	Cơ học trong kỹ thuật xây dựng	4	CTE2017 1	56	TS. Phan Hải Đăng	4	7-9	304-GĐ2	CL
CTE2017	Cơ học trong kỹ thuật xây dựng	4	CTE2017 1	28	KS. Phạm Đình Nguyên	7	1-2	304-GĐ2	1
CTE2017	Cơ học trong kỹ thuật xây dựng	4	CTE2017 1	28	KS. Phạm Đình Nguyên	7	3-4	304-GĐ2	2
CTE2007	Hình họa – họa hình	2	CTE2007 1	56	TS. Dương Tuấn Mạnh	2	7-9	310-GĐ2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 1-12)	3	CTE3005 1	56	ThS. Vũ Minh Anh	2	10-12	310-GĐ2	CL
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 2-5)	3	CTE3005 1	28	ThS. Vũ Minh Anh	6	7-10	302-GĐ2	1
CTE3005	Trắc địa (học tuần 10)	3	CTE3005 1	28	ThS. Vũ Minh Anh	6	7-10	Hòa Lạc	1
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 6-9)	3	CTE3005 1	28	ThS. Vũ Minh Anh	6	7-10	302-GĐ2	2
CTE3005	Trắc địa (học tuần 11)	3	CTE3005 1	28	ThS. Vũ Minh Anh	6	7-10	Hòa Lạc	2
Lớp số 2									
PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	PHI1006 10	110	TS. Nguyễn Thị Lan	6	1-3	3-G3	CL
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 5	90	Trường KHXHNV	6	11-12	3-G3	CL
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 3	56	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức TS. Trần Quốc Quân	5	7-9	301-GĐ2	CL
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 3	28	TS. Trần Quốc Quân	3	7-8	302-GĐ2	1
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 3	28	TS. Trần Quốc Quân	3	9-10	302-GĐ2	2
CTE2017	Cơ học trong kỹ thuật xây dựng	4	CTE2017 2	56	TS. Phan Hải Đăng	4	10-12	304-GĐ2	CL
CTE2017	Cơ học trong kỹ thuật xây dựng	4	CTE2017 2	28	KS. Phạm Đình Nguyên	2	1-2	303-GĐ2	1
CTE2017	Cơ học trong kỹ thuật xây dựng	4	CTE2017 2	28	KS. Phạm Đình Nguyên	2	3-4	303-GĐ2	2
CTE2007	Hình họa – họa hình	2	CTE2007 2	56	TS. Dương Tuấn Mạnh	2	10-12	312-GĐ2	CL
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 1-12)	3	CTE3005 2	56	ThS. Vũ Minh Anh	2	7-9	312-GĐ2	CL
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 2-5)	3	CTE3005 2	28	ThS. Vũ Minh Anh	5	1-4	310-GĐ2	1
CTE3005	Trắc địa (học tuần 10)	3	CTE3005 2	28	ThS. Vũ Minh Anh	5	1-4	Hòa Lạc	1
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 6-9)	3	CTE3005 2	28	ThS. Vũ Minh Anh	5	1-4	310-GĐ2	2
CTE3005	Trắc địa (học tuần 11)	3	CTE3005 2	28	ThS. Vũ Minh Anh	5	1-4	Hòa Lạc	2
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-XD									
Lớp số 1									
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học từ tuần 1-12)	3	CTE2011 2	56	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức TS. Nguyễn Văn Bắc	4	7-9	305-GĐ2	CL
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học tuần 9,13,14)	3	CTE2011 2	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	3	2-5	Hòa Lạc	1
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học tuần 5, 8)	3	CTE2011 2	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	3	2-5	217-GĐ3	1
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học tuần 9,13,14)	3	CTE2011 2	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	6	7-10	Hòa Lạc	2
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học tuần 5, 8)	3	CTE2011 2	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	6	7-10	217-GĐ3	2
CTE3002	Thủy văn (học từ tuần 1-12)	2	CTE3002 1	56	TS. Dương Tuấn Mạnh	4	10-12	305-GĐ2	CL
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 1-12)	3	CTE3005 3	56	ThS. Vũ Minh Anh	3	7-9	301-GĐ2	CL
CTE3005	Trắc địa (học tuần 10)	3	CTE3005 3	28	ThS. Vũ Minh Anh	5	9-12	Hòa Lạc	1

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 2-5)	3	CTE3005 3	28	ThS. Vũ Minh Anh	5	9-12	204-GĐ3	1
CTE3005	Trắc địa (học tuần 10)	3	CTE3005 3	28	ThS. Vũ Minh Anh	6	1-4	Hòa Lạc	2
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 2-5)	3	CTE3005 3	28	ThS. Vũ Minh Anh	6	1-4	313-GĐ2	2
CTE3006	Địa chất công trình (học từ tuần 1-12)	2	CTE3006 1	56	TS. Nguyễn Tiến Dũng	2	2-4	209-GĐ3	CL
CTE3051	Tin học xây dựng (học từ tuần 1-12)	3	CTE3051 1	56	TS. Nguyễn Văn Hùng	5	4-6	302-GĐ2	CL
CTE3051	Tin học xây dựng (học từ tuần 2-11)	3	CTE3051 1	28	TS. Nguyễn Văn Hùng	2	5-6	203-GĐ3	1
CTE3051	Tin học xây dựng (học từ tuần 2-11)	3	CTE3051 1	28	TS. Nguyễn Văn Hùng	2	8-9	104-GĐ3	2
CTE3008	Thiết bị, máy trong xây dựng – giao thông (học tuần 1-12)	2	CTE3008 1	56	TS. Lê Văn Tuấn	7	7-9	210-GĐ3	CL
CTE3014	Vật liệu tiên tiến trong Xây dựng - Giao thông (môn tự chọn)	2	CTE3014 1	56	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức TS. Trần Quốc Quân	2	10-12	305-GĐ2	CL
Lớp số 2									
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học từ tuần 1-12)	3	CTE2011 1	56	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức TS. Nguyễn Văn Bắc	7	4-6	205-GĐ3	CL
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học tuần 7,11,12)	3	CTE2011 1	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	3	2-5	Hòa Lạc	1
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học tuần 4, 6)	3	CTE2011 1	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	3	2-5	217-GĐ3	1
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học tuần 7,11,12)	3	CTE2011 1	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	6	7-10	Hòa Lạc	2
CTE2011	Vật liệu xây dựng (học tuần 4, 6)	3	CTE2011 1	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	6	7-10	217-GĐ3	2
CTE3002	Thủy văn (học từ tuần 1-12)	2	CTE3002 2	56	TS. Dương Tuấn Mạnh	7	1-3	205-GĐ3	CL
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 1-12)	3	CTE3005 4	56	ThS. Vũ Minh Anh	2	1-3	312-GĐ2	CL
CTE3005	Trắc địa (học tuần 11)	3	CTE3005 4	28	ThS. Vũ Minh Anh	5	9-12	Hòa Lạc	1
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 6-9)	3	CTE3005 4	28	ThS. Vũ Minh Anh	5	9-12	204-GĐ3	1
CTE3005	Trắc địa (học tuần 11)	3	CTE3005 4	28	ThS. Vũ Minh Anh	6	1-4	Hòa Lạc	2
CTE3005	Trắc địa (học từ tuần 6-9)	3	CTE3005 4	28	ThS. Vũ Minh Anh	6	1-4	313-GĐ2	2
CTE3006	Địa chất công trình (học từ tuần 1-12)	2	CTE3006 2	56	TS. Dương Tuấn Mạnh	3	10-12	304-GĐ2	CL
CTE3051	Tin học xây dựng (học từ tuần 1-12)	3	CTE3051 2	56	ThS. Ngô Đình Đạt	5	1-3	302-GĐ2	CL
CTE3051	Tin học xây dựng (học từ tuần 2-11)	3	CTE3051 2	28	ThS. Ngô Đình Đạt	4	3-4	203-GĐ3	1
CTE3051	Tin học xây dựng (học từ tuần 2-11)	3	CTE3051 2	28	ThS. Ngô Đình Đạt	4	1-2	203-GĐ3	2
CTE3008	Thiết bị, máy trong xây dựng – giao thông (học tuần 1-12)	2	CTE3008 2	56	TS. Lê Văn Tuấn	7	10-12	210-GĐ3	CL
CTE3014	Vật liệu tiên tiến trong Xây dựng - Giao thông (môn tự chọn)	2	CTE3014 2	56	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức TS. Trần Quốc Quân	2	7-9	305-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-XD									

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
Lớp số 1									
CTE3018	Thiết kế nhà bê tông cốt thép	2	CTE3018 1	60	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thúy	6	4-6	206-GĐ3	CL
CTE3020	Động lực học công trình	3	CTE3020 1	56	TS. Nguyễn Văn Bắc	2	5-6	209-GĐ3	CL
CTE3020	Động lực học công trình	3	CTE3020 1	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	5	2-3	104-GĐ3	1
CTE3020	Động lực học công trình	3	CTE3020 1	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	5	4-5	104-GĐ3	2
CTE3021	Thiết kế các công trình đặc biệt	2	CTE3021 1	60	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	3	4-6	206-GĐ3	CL
CTE3009	An toàn lao động (học tuần 1-12)	2	CTE3009 1	60	TS. Phan Hải Đăng	5	7-9	206-GĐ3	CL
CTE4008	Đồ án 3: Kết cấu bê tông cốt thép (học tuần 1-5)	2	CTE4008 1	60	TS. Nguyễn Ngọc Vinh	3	9-10	208-GĐ3	CL
CTE3047	Quản lý dự án và rủi ro	2	CTE3047 1	60	TS. Nguyễn Quang Huy	5	10-12	206-GĐ3	CL
	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu	4		120					
CTE2013	Cơ sở quy hoạch (môn tự chọn) (học tuần 1-12)	2	CTE2013 1	60	ThS. Hoàng Đình Việt	4	1-3	207-GĐ3	CL
CTE3028	Kiến trúc trong xây dựng (môn tự chọn) (học tuần 1-12)	2	CTE3028 1	60	TS. Phan Việt Toàn	4	4-6	207-GĐ3	CL
Lớp số 2									
CTE3018	Thiết kế nhà bê tông cốt thép	2	CTE3018 2	60	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thúy	6	1-3	206-GĐ3	CL
CTE3020	Động lực học công trình	3	CTE3020 2	56	TS. Nguyễn Văn Bắc	4	10-11	307-GĐ2	CL
CTE3020	Động lực học công trình	3	CTE3020 2	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	2	8-9	213-GĐ3	1
CTE3020	Động lực học công trình	3	CTE3020 2	28	TS. Nguyễn Văn Bắc	2	3-4	104-GĐ3	2
CTE3021	Thiết kế các công trình đặc biệt	2	CTE3021 2	60	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	3	1-3	206-GĐ3	CL
CTE3009	An toàn lao động (học tuần 1-12)	2	CTE3009 2	60	TS. Phan Hải Đăng	5	10-12	207-GĐ3	CL
CTE4008	Đồ án 3: Kết cấu bê tông cốt thép (học tuần 1-5)	2	CTE4008 2	60	TS. Nguyễn Ngọc Vinh	3	7-8	208-GĐ3	CL
CTE3047	Quản lý dự án và rủi ro	2	CTE3047 2	60	TS. Nguyễn Quang Huy	5	7-9	207-GĐ3	CL
	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu	4		120					
CTE2013	Cơ sở quy hoạch (môn tự chọn) (học tuần 1-12)	2	CTE2013 2	60	ThS. Hoàng Đình Việt	4	4-6	208-GĐ3	CL
CTE3028	Kiến trúc trong xây dựng (môn tự chọn) (học tuần 1-12)	2	CTE3028 2	60	TS. Phan Việt Toàn	4	1-3	208-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-XD									
CTE4050	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư	10	CTE4050 1	90	Khoa XDGT	CN	1-5	Khoa XDGT	CL
Ngành Cơ kỹ thuật									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-H									
Lớp số 1									

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 1	90	TS. Trần Thanh Tùng	2	11-12	3-G3	CL
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 1	30	TS. Trần Thanh Tùng	5	7-8	415-VCH	1
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 1	30	TS. Trần Thanh Tùng	5	9-10	415-VCH	2
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 1	100	PGS.TS. Đặng Thế Ba	2	9-10	3-G3	CL
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 1	30	KS. Phạm Đình Nguyên	5	11-12	416-VCH	1
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 1	30	KS. Phạm Đình Nguyên	5	7-8	416-VCH	2
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 1	56	TS. Bùi Hồng Sơn	6	9-10	304-GĐ2	CL
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 1	28	TS. Bùi Hồng Sơn	3	11-12	415-VCH	1
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 1	28	TS. Bùi Hồng Sơn	3	9-10	415-VCH	2
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 1	56	PGS.TS. Đặng Thế Ba	3	7-8	504-VCH	CL
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 1	28	ThS. Nguyễn Cao Sơn	4	7-8	PM305-G2	1
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 1	28	ThS. Nguyễn Cao Sơn	4	9-10	PM307-G2	2
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD (học tuần 1-7)	2	EMA2032 1	56	ThS. Hoàng Quốc Anh	6	7-8	304-GĐ2	CL
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 1	28	ThS. Hoàng Quốc Anh	4	9-10	PM305-G2	1
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 1	28	ThS. Hoàng Quốc Anh	4	7-8	PM307-G2	2
EMA2046	Một số vấn đề cơ bản cho Kỹ sư toàn cầu (môn tự chọn)	2	EMA2046 1	100	PGS.TS. Đặng Thế Ba	2	7-8	3-G3	CL
Lớp số 2									
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 1	90	TS. Trần Thanh Tùng	2	11-12	3-G3	CL
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 1	30	TS. Trần Thanh Tùng	5	9-10	415-VCH	2
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 1	30	TS. Trần Thanh Tùng	5	11-12	415-VCH	3
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 1	100	PGS.TS. Đặng Thế Ba	2	9-10	3-G3	CL
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 1	30	KS. Phạm Đình Nguyên	5	7-8	416-VCH	2
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 1	40	KS. Phạm Đình Nguyên	5	9-10	416-VCH	3
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 2	56	TS. Bùi Hồng Sơn	6	7-8	305-GĐ2	CL
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 2	28	TS. Bùi Hồng Sơn	4	9-10	415-VCH	1
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 2	28	TS. Bùi Hồng Sơn	4	7-8	415-VCH	2
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 2	56	PGS.TS. Đặng Thế Ba	3	9-10	504-VCH	CL
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 2	28	ThS. Nguyễn Cao Sơn	6	1-2	PM307-G2	1
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 2	35	ThS. Nguyễn Cao Sơn	6	3-4	PM307-G2	2
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD (học tuần 1-7)	2	EMA2032 2	56	ThS. Hoàng Quốc Anh	6	9-10	305-GĐ2	CL
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 2	28	ThS. Hoàng Quốc Anh	7	7-8	PM305-G2	1

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 2	28	ThS. Hoàng Quốc Anh	7	9-10	PM305-G2	2
EMA2046	Một số vấn đề cơ bản cho Kỹ sư toàn cầu (môn tự chọn)	2	EMA2046 1	100	PGS.TS. Đặng Thế Ba	2	7-8	3-G3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-H									
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 1	75	Trường KHXHNV	3	1-2	106-GĐ3	CL
EMA2013	Lý thuyết điều khiển tự động	3	EMA2013 1	90	TS. Trần Cường Hưng	4	1-2	107-GĐ3	CL
EMA2013	Lý thuyết điều khiển tự động	3	EMA2013 1	30	TS. Trần Cường Hưng	6	11-12	302-GĐ2	1
EMA2013	Lý thuyết điều khiển tự động	3	EMA2013 1	30	ThS. Nguyễn Quang Nhã	6	1-2	415-VCH	2
EMA2013	Lý thuyết điều khiển tự động	3	EMA2013 1	30	ThS. Nguyễn Quang Nhã	6	3-4	415-VCH	3
EMA2012	Sức bền vật liệu và cơ học kết cấu	4	EMA2012 1	90	ThS. Nguyễn Cao Sơn	2	4-6	105-GĐ3	CL
EMA2012	Sức bền vật liệu và cơ học kết cấu	4	EMA2012 1	30	ThS. Nguyễn Cao Sơn	5	3-4	415-VCH	1
EMA2012	Sức bền vật liệu và cơ học kết cấu	4	EMA2012 1	30	ThS. Nguyễn Cao Sơn	5	5-6	415-VCH	2
EMA2012	Sức bền vật liệu và cơ học kết cấu	4	EMA2012 1	30	ThS. Nguyễn Cao Sơn	5	1-2	415-VCH	3
EMA2008	Cơ học chất lỏng	3	EMA2008 1	90	PGS.TS. Trần Thu Hà	4	3-4	107-GĐ3	CL
EMA2008	Cơ học chất lỏng	3	EMA2008 1	30	TS. Bùi Hồng Sơn	5	1-2	416-VCH	1
EMA2008	Cơ học chất lỏng	3	EMA2008 1	30	TS. Bùi Hồng Sơn	5	3-4	416-VCH	2
EMA2008	Cơ học chất lỏng	3	EMA2008 1	30	TS. Bùi Hồng Sơn	5	5-6	416-VCH	3
EMA2035	Kỹ thuật mô hình - mô phỏng	3	EMA2035 1	90	PGS.TS. Đinh Văn Mạnh	4	5-6	107-G2	CL
EMA2035	Kỹ thuật mô hình - mô phỏng	3	EMA2035 1	45	GS.TS. Nguyễn Đình Kiên	5	9-10	504-VCH	1
EMA2035	Kỹ thuật mô hình - mô phỏng	3	EMA2035 1	45	TS. Vương Thị Mỹ Hạnh	7	4-5	301-GĐ2	2
EMA2045	Lý thuyết cắt gọt kim loại	2	EMA2045 1	90	ThS. Bùi Huy Hoàng	3	5-6	107-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-H									
	Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu	18		80					
	Định hướng về Thủy khí công nghiệp và môi trường	18							
EMA3091	Động lực học sông và đồ án	4	EMA3091 1	25	PGS.TS. Trần Thu Hà	6	8-11	415-VCH	CL
EMA3092	Động lực học - môi trường không khí và đồ án (LT) (học tuần 1-6)	4	EMA3092 1	25	GS.TSKH. Dương Ngọc Hải PGS.TS. Đặng Thế Ba	6	1-6	504-VCH	CL
EMA3092	Động lực học - môi trường không khí và đồ án (TH) (học tuần 7-14)	4	EMA3092 1	25	PGS.TS. Đặng Thế Ba	6	1-6	PM502-E5	CL
EMA3093	Máy - thiết bị thủy khí và đồ án (LT)	4	EMA3093 1	25	TS. Nguyễn Hoàng Quân ThS. Đỗ Huy Điệp	2	7-9	415-VCH	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA3093	Máy - thiết bị thủy khí và đồ án (TH)	4	EMA3093 1	25	TS. Nguyễn Hoàng Quân ThS. Đỗ Huy Điệp	5	1-3	503-VCH	CL
EMA3104	Cơ học chất lỏng thực nghiệm	3	EMA3104 1	25	PGS.TS. Bùi Đình Trí	5	7-11	P. TN Thủy khí	CL
EMA3110	Kỹ thuật đường ống	3	EMA3110 1	25	TS. Vũ Lâm Đông	3	7-9	416-VCH	CL
	Định hướng về Cơ học kỹ thuật biển	18							
EMA3094	Thủy động lực học - môi trường biển	4	EMA3094 1	25	PGS.TS. Đinh Văn Mạnh	4	9-12	416-VCH	CL
EMA3105	Đồ án thủy động lực học - môi trường biển	3	EMA3105 1	25	ThS. Đặng Song Hà	2	7-10	416-VCH	CL
EMA3096	Công trình biển ngoài khơi, độ tin cậy và đồ án	4	EMA3096 1	25	PGS.TS. Đào Như Mai GS.TS. Nguyễn Việt Khoa	6	7-11	416-VCH	CL
EMA3097	Công trình biển ven bờ (đê, cảng, đường ống, bể chứa) và đồ án	4	EMA3097 1	25	TS. Nguyễn Trường Giang	3	7-12	503-VCH	CL
EMA3107	Thí nghiệm đo đạc môi trường biển	3	EMA3107 1	25	KSC. Nguyễn Tiến Hùng	5	7-11	503-VCH	CL
	Định hướng về Công nghệ vũ trụ	18							
EMA3106	Nhập môn công nghệ vũ trụ	3	EMA3106 1	25	TS. Phạm Văn Bạch Ngọc	2	7-10	503-VCH	CL
EMA3101	Kết cấu thiết bị bay và đồ án	4	EMA3101 1	25	TS. Nguyễn Lương Thiện	4	7-10	503-VCH	CL
EMA3102	Cảm biến, điều khiển vệ tinh và đồ án (LT)	4	EMA3102 1	25	TS. Ngô Duy Tân	3	7-8	415-VCH	CL
EMA3102	Cảm biến, điều khiển vệ tinh và đồ án (TH)	4	EMA3102 1	25	ThS. Trương Tuấn Anh	2	1-4	503-VCH	CL
EMA3103	Thiết kế, tích hợp vệ tinh nhỏ và đồ án (LT)	4	EMA3103 1	25	ThS. Huỳnh Xuân Quang	6	7-8	503-VCH	CL
EMA3103	Thiết kế, tích hợp vệ tinh nhỏ và đồ án (TH)	4	EMA3103 1	25	ThS. Tô Vũ Thanh	6	9-12	503-VCH	CL
EMA3109	Nhập môn khí động học thiết bị bay	3	EMA3109 1	25	PGS.TS. Thái Doãn Tường	3	4-5	415-VCH	CL
	Định hướng về Vật liệu và kết cấu tiên tiến	18							
EMA3117	Cơ học vật liệu Composite (LT)	3	EMA3117 1	25	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức ThS. Vũ Minh Anh	3	10-11	305-GĐ2	CL
EMA3117	Cơ học vật liệu Composite (TH)	3	EMA3117 1	25	ThS. Vũ Minh Anh	7	5-6	203-GĐ3	CL
EMA3118	Lý thuyết tấm và vỏ (LT)	4	EMA3118 1	25	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức TS. Phạm Hồng Công	3	7-9	305-GĐ2	CL
EMA3118	Lý thuyết tấm và vỏ (TH)	4	EMA3118 1	25	TS. Phạm Hồng Công	4	10-11	213-GĐ3	CL
EMA3119	Các phương pháp số trong cơ học vật liệu và kết cấu	4	EMA3119 1	25	TS. Trần Lê Hưng	2	1-5	416-VCH	CL
EMA3120	Động lực học trong công trình	4	EMA3120 1	25	TS. Trần Quốc Quân	4	1-5	416-VCH	CL
EMA3121	Lý thuyết dèo (LT)	3	EMA3121 1	25	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức TS. Trần Quốc Quân	6	3-4	306-GĐ2	CL
EMA3121	Lý thuyết dèo (TH)	3	EMA3121 1	25	TS. Trần Quốc Quân	6	5-6	306-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-H									

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA4050	Đồ án tốt nghiệp	10	EMA4050 1	90	Khoa CHKT&TDH	CN	7-11	Khoa CHKT&TDH	CL
Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-AT									
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 1	40	Trường ĐHNH	7	7-11	217-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 2	40	Trường ĐHNH	6	7-11	104-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 5	40	Trường ĐHNH	5	1-5	217-GĐ3	CL
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 2	93	TS. Trần Thanh Hải	5	11-12	105-GĐ3	CL
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 2	31	TS. Trần Thanh Hải	6	1-2	503-VCH	1
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 2	31	TS. Trần Thanh Hải	6	5-6	503-VCH	2
EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	EMA2011 2	31	TS. Trần Thanh Hải	6	3-4	503-VCH	3
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 3	93	PGS.TS. Đào Như Mai	5	9-10	105-GĐ3	CL
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 3	31	ThS. Đỗ Huy Điệp	3	3-4	504-VCH	1
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 3	31	ThS. Đỗ Huy Điệp	3	1-2	504-VCH	2
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 3	31	ThS. Đỗ Huy Điệp	2	10-11	415-VCH	3
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 3	90	ThS. Nguyễn Cao Sơn	2	1-2	106-GĐ3	CL
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 3	45	ThS. Nguyễn Cao Sơn	3	7-8	PM304-G2	1
EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006 3	45	ThS. Nguyễn Cao Sơn	3	9-10	PM304-G2	2
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 2	90	TS. Nguyễn Văn Quang	2	3-4	106-GĐ3	CL
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 2	45	TS. Nguyễn Văn Quang	4	5-6	303-GĐ2	1
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 2	45	TS. Nguyễn Văn Quang	4	3-4	303-GĐ2	2
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện	2	EMA2026 1	92	ThS. Trần Như Chí	5	7-8	105-GĐ3	CL
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 1	23	ThS. Nguyễn Thu Hằng ThS. Nguyễn Như Cường	7	1-3	701-E3	1
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 1	23	ThS. Nguyễn Thu Hằng ThS. Nguyễn Như Cường	7	4-6	701-E3	2
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 1	23	ThS. Nguyễn Thu Hằng ThS. Nguyễn Như Cường	4	7-9	701-E3	3
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 1	23	ThS. Nguyễn Thu Hằng ThS. Nguyễn Như Cường	4	10-12	701-E3	4
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-AT									
INT2013	Kiến trúc máy tính và mạng truyền thông công nghiệp	3	INT2013 1	70	ThS. Đặng Anh Việt	4	4-6	102-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA2022	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022 1	70	TS. Trần Anh Quân	3	9-10	209-GĐ3	CL
EMA2022	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022 1	35	TS. Trần Anh Quân	4	9-10	306-GĐ2	1
EMA2022	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022 1	35	TS. Trần Anh Quân	4	11-12	306-GĐ2	2
EMA2024	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024 1	70	TS. Đinh Trần Hiệp	2	9-10	504-VCH	CL
EMA2024	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024 1	35	TS. Đinh Trần Hiệp	4	11-12	PM207-G2	1
EMA2024	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024 1	35	TS. Đinh Trần Hiệp	4	9-10	PM207-G2	2
EMA2040	Máy CNC và CAD/CAM	2	EMA2040 1	70	TS. Trần Thanh Tùng	3	7-8	209-GĐ3	CL
EMA2040	Máy CNC và CAD/CAM	2	EMA2040 1	23	ThS. Bùi Huy Hoàng	7	1-2	Xưởng cơ khí	1
EMA2040	Máy CNC và CAD/CAM	2	EMA2040 1	23	ThS. Bùi Huy Hoàng	7	3-4	Xưởng cơ khí	2
EMA2040	Máy CNC và CAD/CAM	2	EMA2040 1	24	ThS. Bùi Huy Hoàng	7	5-6	Xưởng cơ khí	3
EMA2044	Nhập môn Tự động hóa	3	EMA2044 1	70	ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2	7-8	504-VCH	CL
EMA2044	Nhập môn Tự động hóa	3	EMA2044 1	35	ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	6	2-3	416-VCH	1
EMA2044	Nhập môn Tự động hóa	3	EMA2044 1	35	ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	6	4-5	416-VCH	2
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 1	80	TS. Hoàng Thị Hải Yến	4	7-8	3-G3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-AT									
	Các học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức định hướng chuyên sâu	4		70					
EMA3021	Các phương pháp điều khiển tiên tiến	2	EMA3021 1	70	TS. Bùi Thanh Lâm	5	1-3	309-GĐ2	CL
EMA3017	Cảm biến và cơ cấu chấp hành	2	EMA3017 1	70	ThS. Trương Xuân Hùng	6	9-11	504-VCH	CL
	Học phần bắt buộc thuộc Khối kiến thức định hướng chuyên sâu	11							
	Khối kiến thức định hướng chuyên sâu về Tự động hóa Công nghiệp	11							
EMA3108	Tự động hóa quá trình sản xuất	3	EMA3108 1	40	TS. Phạm Văn Bạch Ngọc	3	2-5	416-VCH	CL
EMA3085	Robot công nghiệp	2	EMA3085 1	70	ThS. Đặng Anh Việt	2	1-3	504-VCH	CL
EMA3084	Vi xử lý và vi điều khiển	3	EMA3084 1	70	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng	5	4-5	309-GĐ2	CL
EMA3084	Vi xử lý và vi điều khiển (học tuần 8-15)	3	EMA3084 1	23	TS. Seung Chul Jung	7	1-5	308-G2	1
EMA3084	Vi xử lý và vi điều khiển (học tuần 8-15)	3	EMA3084 1	24	TS. Hoàng Văn Mạnh	4	7-11	308-G2	2
EMA3062	Điều khiển PLC	3	EMA3062 1	70	TS. Hoàng Văn Mạnh	2	4-5	504-VCH	CL
EMA3062	Điều khiển PLC (học tuần 8-15)	3	EMA3062 1	23	TS. Seung Chul Jung	7	7-11	308-G2	1
EMA3062	Điều khiển PLC (học tuần 8-15)	3	EMA3062 1	24	TS. Đỗ Nam	5	7-11	308-G2	2
	Khối kiến thức định hướng chuyên sâu về Kỹ thuật đo lường và tin học công nghiệp	11							

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA3085	Robot công nghiệp	2	EMA3085 1	70	ThS. Đặng Anh Việt	2	1-3	504-VCH	CL
EMA3084	Vi xử lý và vi điều khiển	3	EMA3084 1	70	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng	5	4-5	309-GĐ2	CL
EMA3084	Vi xử lý và vi điều khiển (học tuần 8-15)	3	EMA3084 1	24	TS. Hoàng Văn Mạnh	4	7-11	308-G2	2
EMA3084	Vi xử lý và vi điều khiển (học tuần 8-15)	3	EMA3084 1	23	TS. Hoàng Văn Mạnh	2	7-11	308-G2	3
EMA3062	Điều khiển PLC	3	EMA3062 1	70	TS. Hoàng Văn Mạnh	2	4-5	504-VCH	CL
EMA3062	Điều khiển PLC (học tuần 8-15)	3	EMA3062 1	24	TS. Đỗ Nam	5	7-11	308-G2	2
EMA3062	Điều khiển PLC (học tuần 8-15)	3	EMA3062 1	23	TS. Đỗ Nam	6	1-5	308-G2	3
EMA3136	Đo lường nâng cao	3	EMA3136 1	40	ThS. Trương Xuân Hùng	3	2-5	503-VCH	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-AT									
EMA4006	Thực tập tốt nghiệp định hướng Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3	EMA4006 1	60	Khoa CHKT&TĐH	CN	1-5	Khoa CHKT&TĐH	CL
EMA4050	Đồ án tốt nghiệp	10	EMA4050 1	60	Khoa CHKT&TĐH	CN	7-11	Khoa CHKT&TĐH	CL
Ngành Kỹ thuật máy tính									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-K									
Lớp số 1									
ELT2029	Toán trong Công nghệ (môn tự chọn)	3	ELT2029 1	60	PGS.TS. Nguyễn Linh Trung TS. Lâm Sinh Công	4	7-9	102-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 5	65	TS. Lê Nguyên Khôi	2	10-11	211-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 5	65	TS. Lê Nguyên Khôi	3	9-10	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 5	30	CN. Nguyễn Hải Long	6	9-10	PM307-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 5	35	CN. Nguyễn Hải Long	6	11-12	PM208-G2	2
ELT2040	Điện tử tương tự	3	ELT2040 1	65	TS. Mai Linh	3	4-6	211-GĐ3	CL
ELT2041	Điện tử số	3	ELT2041 1	65	TS. Phạm Đức Quang	5	7-9	211-GĐ3	CL
INT2291	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	INT2291 1	65	Khoa CNTT	2	7-9	211-GĐ3	CL
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 4	65	TS. Hoàng Gia Hưng	6	1-3	309-GĐ2	CL
MNS1052	Khoa học quản lý đại cương (môn tự chọn)	2	MNS1052 1	65	TS. Tạ Thị Bích Ngọc	7	2-3	211-GĐ3	CL
Lớp số 2									
ELT2029	Toán trong Công nghệ (môn tự chọn)	3	ELT2029 2	60	PGS.TS. Nguyễn Linh Trung TS. Lâm Sinh Công	3	4-6	210-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 6	65	PGS.TS. Nguyễn Việt Anh	4	3-4	103-G2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 6	65	PGS.TS. Nguyễn Việt Anh	2	1-2	Học online	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 6	30	CN. Nguyễn Huy Sơn	6	11-12	PM307-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 6	35	CN. Nguyễn Huy Sơn	6	9-10	PM208-G2	2
ELT2040	Điện tử tương tự	3	ELT2040 2	65	TS. Mai Linh	3	1-3	210-GĐ3	CL
ELT2041	Điện tử số	3	ELT2041 2	65	TS. Phạm Đức Quang	3	9-11	309-GĐ2	CL
INT2291	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	INT2291 2	65	Khoa CNTT	2	10-12	210-GĐ3	CL
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 5	65	TS. Hoàng Gia Hưng	5	7-9	210-GĐ3	CL
MNS1052	Khoa học quản lý đại cương (môn tự chọn)	2	MNS1052 2	65	TS. Tạ Thị Bích Ngọc	7	4-5	211-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-K									
Lớp số 1									
PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	PHI1002 4	80	Trường KHXHNV	2	1-2	3-G3	CL
ELT3051	Kỹ thuật điều khiển	3	ELT3051 1	56	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân	7	1-3	301-GĐ2	CL
ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	ELT3048 1	80	TS. Nguyễn Ngọc An	4	10-11	102-GĐ3	CL
ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	ELT3048 1	40	ThS. Phạm Xuân Lộc	2	5-6	PM201-G2	1
ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	ELT3048 1	40	ThS. Phạm Xuân Lộc	2	3-4	PM201-G2	2
INT3217	Lập trình hệ thống (học tuần 1-12)	3	INT3217 1	56	ThS. Phan Hoàng Anh	3	1-3	301-GĐ2	CL
INT3217	Lập trình hệ thống (học tuần 3-11)	3	INT3217 1	28	KS. Đỗ Ngọc Minh	5	9-10	PM307-G2	1
INT3217	Lập trình hệ thống (học tuần 3-11)	3	INT3217 1	28	KS. Dương Minh Ngọc	5	11-12	PM307-G2	2
INT2291	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	INT2291 3	56	Khoa CNTT	3	4-6	301-GĐ2	CL
Lớp số 2									
PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	PHI1002 4	80	Trường KHXHNV	2	1-2	3-G3	CL
ELT3051	Kỹ thuật điều khiển	3	ELT3051 2	56	ThS. Nguyễn Thu Hằng	3	1-3	305-GĐ2	CL
ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	ELT3048 2	56	TS. Nguyễn Ngọc An	3	9-10	313-GĐ2	CL
ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	ELT3048 2	28	KS. Phạm Quang Hùng	3	11-12	PM401-E5	1
ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	ELT3048 2	28	KS. Dương Minh Ngọc	3	11-12	PM207-G2	2
INT3217	Lập trình hệ thống (học tuần 1-12)	3	INT3217 2	56	ThS. Phan Hoàng Anh	6	1-3	301-GĐ2	CL
INT3217	Lập trình hệ thống (học tuần 3-11)	3	INT3217 2	28	KS. Đỗ Ngọc Minh	2	3-4	PM401-E5	1
INT3217	Lập trình hệ thống (học tuần 3-11)	3	INT3217 2	28	KS. Dương Minh Ngọc	2	5-6	PM401-E5	2
INT2291	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	INT2291 4	56	Khoa CNTT	6	4-6	301-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-K									
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 3	100	Trường KHXHNV	6	9-10	3-G3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
ELT3241	Các vấn đề hiện đại của Kỹ thuật Máy tính	2	ELT3241 1	56	TS. Hoàng Gia Hưng PGS.TS. Bùi Thanh Tùng TS. Phạm Mạnh Hùng	7	2-3	302-GĐ2	CL
ELT3241	Các vấn đề hiện đại của Kỹ thuật Máy tính	2	ELT3241 2	56	TS. Hoàng Gia Hưng PGS.TS. Bùi Thanh Tùng TS. Phạm Mạnh Hùng	7	4-5	302-GĐ2	CL
INT2214	Nguyên lý hệ điều hành	4	INT2214 1	56	TS. Trần Mai Vũ	2	7-10	303-GĐ2	CL
INT2214	Nguyên lý hệ điều hành	4	INT2214 2	56	TS. Nguyễn Thị Hậu	5	9-12	107-G2	CL
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 2	90	TS. Hoàng Thị Hải Yến	4	9-10	3-G3	CL
	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành	9		100					
ELT3203	Thiết kế mạch tích hợp tương tự (môn tự chọn)	3	ELT3203 1	80	GS.TS. Chử Đức Trình TS. Đỗ Xuân Lộc	3	1-3	101-G2	CL
ELT3205	Kỹ thuật cảm biến (môn tự chọn)	3	ELT3205 1	60	PGS.TS. Bùi Thanh Tùng ThS. Nguyễn Như Cường	3	4-5	101-G2	CL
ELT3205	Kỹ thuật cảm biến (môn tự chọn) (Học tuần 10-15)	3	ELT3205 1	20	ThS. Nguyễn Như Cường	2	1-5	210-G2	1
ELT3205	Kỹ thuật cảm biến (môn tự chọn) (Học tuần 10-15)	3	ELT3205 1	20	ThS. Nguyễn Như Cường	3	7-11	210-G2	2
ELT3205	Kỹ thuật cảm biến (môn tự chọn) (Học tuần 10-15)	3	ELT3205 1	20	ThS. Nguyễn Như Cường	4	1-5	210-G2	3
ELT3231	Kỹ thuật xử lý và truyền thông đa phương tiện (môn tự chọn)	3	ELT3231 1	80	TS. Đinh Triều Dương	3	4-6	107-G2	CL
INT3405	Học máy (môn tự chọn)	3	INT3405 2	80	TS. Tạ Việt Cường	6	4-6	309-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-K									
ELT4068	Đồ án tốt nghiệp	10	ELT4068 1	120	Khoa ĐTVT	CN	7-11	Khoa ĐTVT	CL
Ngành Kỹ thuật Robot									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-R									
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 2	60	PGS.TS. Hoàng Văn Xiêm	7	3-5	303-GĐ2	CL
RBE2001	Vẽ kỹ thuật	2	RBE2001 1	60	ThS. Đỗ Huy Điệp	2	4-5	206-GĐ3	CL
RBE2001	Vẽ kỹ thuật	2	RBE2001 1	30	KS. Nguyễn Cảnh Thanh	6	7-8	PM307-G2	1
RBE2001	Vẽ kỹ thuật	2	RBE2001 1	30	KS. Đặng Văn Hiếu	6	7-8	PM208-G2	2
ELT2201	Nguyên lý Kỹ thuật điện tử	3	ELT2201 1	60	ThS. Trần Như Chí	2	1-3	206-GĐ3	CL
ELT3134	Thực tập Kỹ thuật điện tử	2	ELT3134 1	20	TS. Nguyễn Đăng Phú KS. Đặng Văn Hiếu	3	1-5	209-G2	CL
ELT3134	Thực tập Kỹ thuật điện tử	2	ELT3134 2	20	ThS. Phạm Đình Tuấn KS. Nguyễn Cảnh Thanh	2	8-12	209-G2	CL
ELT3134	Thực tập Kỹ thuật điện tử	2	ELT3134 3	20	TS. Nguyễn Đăng Phú	5	8-12	209-G2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
					KS. Đặng Văn Hiếu				
RBE2021	Thực hành Thiết kế và xây dựng Robot 1	2	RBE2021 1	27	ThS. Phan Hoàng Anh CN. Đinh Bảo Minh	5	1-5	101-GĐ3	CL
RBE2021	Thực hành Thiết kế và xây dựng Robot 1	2	RBE2021 2	27	ThS. Trần Như Chí CN. Đinh Bảo Minh	4	1-5	101-GĐ3	CL
INE1050	Kinh tế vi mô (môn tự chọn)	3	INE1050 2	60	PGS.TS. Trần Thị Lan Hương	3	7-9	206-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 4	40	Trường ĐHNH	4	7-11	217-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 5	40	Trường ĐHNH	5	1-5	217-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-R									
PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	PHI1002 1	85	Trường KHXXNV	2	3-4	103-G2	CL
RBE3011	Mô hình hóa động lực học và điều khiển Robot	2	RBE3011 1	45	TS. Phạm Duy Hưng	5	10-12	303-GĐ2	CL
RBE3012	Các cơ cấu chấp hành Robot	3	RBE3012 1	45	ThS. Đặng Anh Việt	4	9-11	303-GĐ2	CL
ELT3281	Vi xử lý và hệ thống nhúng	3	ELT3281 1	56	TS. Nguyễn Ngọc An	3	7-8	303-GĐ2	CL
ELT3281	Vi xử lý và hệ thống nhúng (Học tuần 10-15)	3	ELT3281 1	28	KS. Phạm Quang Hùng	7	1-5	PM401-E5	1
ELT3281	Vi xử lý và hệ thống nhúng (Học tuần 10-15)	3	ELT3281 1	28	KS. Dương Minh Ngọc	6	1-5	PM401-E5	2
ELT3144	Xử lý tín hiệu số (LT)	4	ELT3144 1	40	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh	3	9-11	303-GĐ2	CL
ELT3144	Xử lý tín hiệu số (TH)	4	ELT3144 1	40	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh	5	7-8	PM201-G2	CL
RBE3001	Cơ lý thuyết	2	RBE3001 1	45	PGS.TS. Đào Như Mai	4	7-8	303-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-R									
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 5	100	TS. Trần Quốc Long	3	7-9	3-G3	CL
RBE3015	Xử lý ảnh và thị giác Robot	3	RBE3015 1	56	TS. Đinh Triều Dương PGS.TS. Hoàng Văn Xiêm	4	4-5	310-GĐ2	CL
RBE3015	Xử lý ảnh và thị giác Robot	3	RBE3015 1	28	KS. Đỗ Ngọc Minh	6	1-2	PM305-G2	1
RBE3015	Xử lý ảnh và thị giác Robot	3	RBE3015 1	28	KS. Đỗ Ngọc Minh	6	3-4	PM305-G2	2
RBE3016	Thiết kế kiểu dáng công nghiệp	3	RBE3016 1	56	TS. Dương Việt Dũng	5	9-10	313-GĐ2	CL
RBE3016	Thiết kế kiểu dáng công nghiệp	3	RBE3016 1	28	TS. Dương Việt Dũng	5	7-8	PM307-G2	1
RBE3016	Thiết kế kiểu dáng công nghiệp	3	RBE3016 1	28	TS. Dương Việt Dũng	5	11-12	PM401-E5	2
RBE3022	Đồ án 2: Thiết kế và xây dựng Robot 2	2	RBE3022 1	56	Bộ môn KTRB	7	7-11	Khoa ĐTVT	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
	Lựa chọn 6 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành	6		56					
RBE3047	Giải thuật cho robot thông minh (môn lựa chọn)	3	RBE3047 1	56	PGS.TS. Trương Xuân Tùng TS. Nguyễn Thị Lan Anh	4	10-12	302-GĐ2	CL
RBE3043	Các thuật toán thích nghi (môn lựa chọn)	3	RBE3043 1	56	TS. Nguyễn Thế Hoàng Anh	4	7-9	302-GĐ2	CL
ELT3996	Điện tử công suất và điều khiển (môn lựa chọn)	3	ELT3996 1	56	ThS. Đặng Anh Việt	2	7-9	302-GĐ2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-R									
RBE4001	Đồ án tốt nghiệp	10	RBE4001 1	55	Khoa ĐTVT	CN	1-5	Khoa ĐTVT	CL
Ngành Kỹ thuật năng lượng									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-E									
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 5	40	Trường ĐHNN	5	1-5	217-GĐ3	CL
EPN2055	Điện và Quang	3	EPN2055 1	56	PGS.TS. Nguyễn Đình Lâm	2	1-3	302-GĐ2	CL
PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	PHY1104 1	20	Trường ĐHKHTN	4	8-11	802-805 T5 ĐHKHTN	CL
EET2001	Hóa học hữu cơ	3	EET2001 1	80	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	4	3-5	309-GĐ2	CL
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 1	80	TS. Nguyễn Hoàng Quân	3	4-6	308-GĐ2	CL
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 1	40	KS. Trần Đăng Huy	5	9-10	306-GĐ2	1
EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	EMA2041 1	40	KS. Trần Đăng Huy	5	7-8	306-GĐ2	2
EMA2032	Hình họa kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 3	80	ThS. Hồ Anh Tâm	2	4-5	308-GĐ2	CL
EMA2032	Hình họa kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 3	40	ThS. Hồ Anh Tâm	6	9-10	PM207-G2	2
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 3	90	TS. Nguyễn Đức Cường	3	1-2	107-GĐ3	CL
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 3	30	TS. Nguyễn Đức Cường	6	11-12	313-GĐ2	3
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-E									
EET2001	Hóa học hữu cơ	3	EET2001 1	80	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	4	3-5	309-GĐ2	CL
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 1	60	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức	3	3-5	205-GĐ3	CL
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 1	30	KS. Phạm Đình Nguyên	6	3-4	214-GĐ3	1
EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	EMA2004 1	30	KS. Phạm Đình Nguyên	6	5-6	215-GĐ3	2
EET2004	Nguyên lý biến đổi năng lượng	3	EET2004 1	60	TS. Phạm Đức Hạnh ThS. Vũ Ngọc Linh	6	1-2	205-GĐ3	CL
EET2004	Nguyên lý biến đổi năng lượng (học từ tuần 10-15)	3	EET2004 1	20	TS. Phạm Đức Hạnh ThS. Vũ Ngọc Linh	5	7-11	PTN Khoa VLKT	1
EET2004	Nguyên lý biến đổi năng lượng (học từ tuần 10-15)	3	EET2004 1	20	TS. Phạm Đức Hạnh ThS. Vũ Ngọc Linh	3	7-11	PTN Khoa VLKT	2

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EET2004	Nguyên lý biến đổi năng lượng (học từ tuần 10-15)	3	EET2004 1	20	TS. Phạm Đức Hạnh ThS. Vũ Ngọc Linh	2	7-11	PTN Khoa VLKT	3
EET2010	Kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí	3	EET2010 1	60	TS. Phạm Đức Hạnh TS. Lê Việt Cường	2	4-5	205-GĐ3	CL
EET2010	Kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí (học từ tuần 10-15)	3	EET2010 1	20	TS. Phạm Đức Hạnh TS. Lê Việt Cường	4	7-11	PTN Khoa VLKT	1
EET2010	Kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí (học từ tuần 10-15)	3	EET2010 1	20	TS. Phạm Đức Hạnh TS. Lê Việt Cường	6	7-11	PTN Khoa VLKT	2
EET2010	Kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí (học từ tuần 10-15)	3	EET2010 1	20	TS. Phạm Đức Hạnh TS. Lê Việt Cường	5	1-5	PTN Khoa VLKT	3
EET2013	Năng lượng tái tạo	3	EET2013 1	60	TS. Nguyễn Huy Tiếp ThS. Vũ Ngọc Linh	2	1-3	205-GĐ3	CL
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 4	60	TS. Bùi Hồng Sơn	3	1-2	205-GĐ3	CL
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 4	30	TS. Bùi Hồng Sơn	6	5-6	214-GĐ3	1
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 4	30	TS. Bùi Hồng Sơn	6	3-4	215-GĐ3	2
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-E									
EET2008	Thực hành công nghiệp kỹ thuật năng lượng	2	EET2008 1	18	ThS. Vũ Ngọc Linh	7	7-11	PTH VLKT	CL
EET2008	Thực hành công nghiệp kỹ thuật năng lượng	2	EET2008 2	19	PGS.TS. Phạm Văn Vĩnh ThS. Nguyễn Thanh Tùng	6	1-5	PTH VLKT	CL
EET2008	Thực hành công nghiệp kỹ thuật năng lượng	2	EET2008 3	19	TS. Lê Việt Cường ThS. Nguyễn Thanh Tùng	7	1-5	PTH VLKT	CL
EET2011	Cơ sở quản lý năng lượng	2	EET2011 1	56	ThS. Nguyễn Thanh Tùng	2	1-2	313-GĐ2	CL
EET2016	Lựa chọn năng lượng bền vững	2	EET2016 1	56	PGS.TS. Nguyễn Kiên Cường	2	9-10	313-GĐ2	CL
EMA2032	Hình họa kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 3	80	ThS. Hồ Anh Tâm	2	4-5	308-GĐ2	CL
EMA2032	Hình họa kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 3	40	ThS. Hồ Anh Tâm	6	7-8	PM207-G2	1
EMA2032	Hình họa kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 3	40	ThS. Hồ Anh Tâm	6	9-10	PM207-G2	2
EET2012	Đo lường và tự động hóa các hệ thống năng lượng (môn tự chọn)	2	EET2012 1	56	TS. Bùi Đình Tú	2	11-12	313-GĐ2	CL
	Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu	6		56					
	<i>Kiến thức định hướng chuyên sâu về Năng lượng mặt trời</i>	6		25					
EET3001	Bức xạ và biến đổi năng lượng mặt trời	2	EET3001 1	25	TS. Bùi Đình Tú	4	1-3	306-GĐ2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EET3003	Hệ thống năng lượng nhiệt mặt trời	2	EET3003 1	25	PGS.TS. Nguyễn Trần Thuật	3	1-3	306-GĐ2	CL
EET3005	Hệ thống quang điện	2	EET3005 1	25	PGS.TS. Nguyễn Đình Lâm	4	4-6	305-GĐ2	CL
	Kiến thức định hướng chuyên sâu về Biến đổi và tích trữ các nguồn năng lượng mới	6		25					
EET3013	Công nghệ năng lượng Hydro và pin nhiên liệu	2	EET3013 1	25	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	3	4-6	306-GĐ2	CL
EET3015	Hệ thống đồng phát và thu hồi nhiệt xả thải	2	EET3015 1	25	TS. Phạm Đức Hạnh ThS. Vũ Ngọc Linh	4	1-3	305-GĐ2	CL
EET3017	Tích trữ và biến đổi các nguồn năng lượng mới	2	EET3017 1	25	TS. Bùi Đình Tú	4	4-6	306-GĐ2	CL
	Kiến thức định hướng chuyên sâu về Quản lý và An toàn năng lượng	6		25					
EET3025	Kiểm soát ô nhiễm trong các quá trình năng lượng	2	EET3025 1	25	TS. Nguyễn Hải Bình PGS.TS. Phạm Đức Thắng	3	7-9	214-GĐ3	CL
EET3027	An toàn hiệu quả trong kỹ thuật năng lượng	2	EET3027 1	25	ThS. Nguyễn Thanh Tùng	5	4-5	203-GĐ3	CL
EET3029	Kinh tế và chính sách năng lượng	2	EET3029 1	25	ThS. Nguyễn Thanh Tùng	5	1-3	203-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-E									
EET4000	Đồ án tốt nghiệp	10	EET4000	56	Khoa VLKT&CNNN	CN	1-5	Khoa VLKT&CNNN	CL
Ngành Vật lý kỹ thuật									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-V									
EPN2055	Điện và Quang	3	EPN2055 1	56	PGS.TS. Nguyễn Đình Lâm	2	1-3	302-GĐ2	CL
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 4	70	Trường KHXHNV	3	3-4	107-GĐ3	CL
EPN2055	Điện và Quang	3	EPN2055 2	56	PGS.TS. Nguyễn Đình Lâm	2	4-6	302-GĐ2	CL
PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	PHY1104 2	18	Trường ĐHKHTN	2	8-11	802-805 T5 ĐHKHTN	CL
PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	PHY1104 3	18	Trường ĐHKHTN	3	8-11	802-805 T5 ĐHKHTN	CL
PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	PHY1104 4	18	Trường ĐHKHTN	5	2-5	802-805 T5 ĐHKHTN	CL
PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	PHY1104 5	18	Trường ĐHKHTN	5	8-11	802-805 T5	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
								ĐHKHTN	
PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	PHY1104 6	18	Trường ĐHKHTN	4	2-5	802-805 T5 ĐHKHTN	CL
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 3	90	TS. Nguyễn Đức Cường	3	1-2	107-GĐ3	CL
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 3	30	TS. Nguyễn Đức Cường	6	7-8	313-GĐ2	1
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 3	30	TS. Nguyễn Đức Cường	6	9-10	313-GĐ2	2
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 3	30	TS. Nguyễn Đức Cường	6	11-12	313-GĐ2	3
EPN2015	Vật lý lượng tử	3	EPN2015 1	90	GS.TS. Hoàng Nam Nhật	7	4-6	107-GĐ3	CL
EPN2050	Vật lý phân tử	3	EPN2050 1	83	GS.TS. Nguyễn Năng Định	6	1-3	103-G2	CL
EMA2032	Hình hoạ Kỹ thuật và CAD (môn tự chọn)	2	EMA2032 4	90	PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang ThS. Hồ Anh Tâm	4	10-11	105-GĐ3	CL
EMA2032	Hình hoạ Kỹ thuật và CAD (môn tự chọn)	2	EMA2032 4	30	ThS. Hồ Anh Tâm	4	1-2	PM501-E5	1
EMA2032	Hình hoạ Kỹ thuật và CAD (môn tự chọn)	2	EMA2032 4	30	ThS. Hồ Anh Tâm	6	11-12	PM401-E5	2
EMA2032	Hình hoạ Kỹ thuật và CAD (môn tự chọn)	2	EMA2032 4	30	ThS. Hồ Anh Tâm	4	3-4	PM501-E5	3
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-V									
EPN2002	Kỹ thuật hóa học và ứng dụng	3	EPN2002 1	66	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	2	9-11	205-GĐ3	CL
EPN2027	Tin học vật lý	3	EPN2027 1	66	TS. Bùi Đình Tú	3	7-8	207-GĐ3	CL
EPN2027	Tin học vật lý	3	EPN2027 1	33	TS. Bùi Đình Tú	6	7-8	213-GĐ3	CL
EPN2027	Tin học vật lý	3	EPN2027 1	33	TS. Bùi Đình Tú	6	9-10	213-GĐ3	CL
EPN2004	Mô hình hóa và mô phỏng trong vật lý	3	EPN2004 1	70	TS. Nguyễn Huy Tiệp	3	11-12	207-GĐ3	CL
EPN2004	Mô hình hóa và mô phỏng trong vật lý	3	EPN2004 1	35	TS. Nguyễn Huy Tiệp	6	1-3	PM208-G2	1
EPN2004	Mô hình hóa và mô phỏng trong vật lý	3	EPN2004 1	35	TS. Nguyễn Huy Tiệp	6	4-6	PM208-G2	2
EPN2025	Kỹ thuật màng mỏng và công nghệ nano	3	EPN2025 1	66	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	3	9-10	207-GĐ3	3
EPN2025	Kỹ thuật màng mỏng và công nghệ nano (học tuần 8, 9, 10, 12, 13)	3	EPN2025 1	22	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	5	1-6	PTN VLKT	CL
EPN2025	Kỹ thuật màng mỏng và công nghệ nano (học tuần 8, 9, 10, 12, 13)	3	EPN2025 1	22	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	5	7-12	PTN VLKT	1
EPN2025	Kỹ thuật màng mỏng và công nghệ nano (học tuần 6, 7, 11, 14, 15)	3	EPN2025 1	22	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	5	7-12	PTN VLKT	2
EPN2014	Vật lý bán dẫn và linh kiện	2	EPN2014 1	66	TS. Nguyễn Đức Cường	2	7-8	205-GĐ3	3
EPN2051	Seminar và thảo luận nhóm về công nghệ nano và ứng dụng	2	EPN2051 1	66	TS. Hồ Thị Anh PGS.TS. Phạm Văn Vĩnh	4	7-8	205-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-V									

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
	Học phần thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu	17		66					
	Kiến thức định hướng chuyên sâu về Công nghệ Quang tử	17		40					
EPN3031	Công nghệ và kỹ thuật Laser	3	EPN3031 1	40	PGS.TS. Phạm Hồng Minh	6	7-9	310-GĐ2	CL
EPN3031	Công nghệ và kỹ thuật laser (TH) (học tuần 8, 10, 12, 14)	3	EPN3031 1	20	PGS.TS. Phạm Hồng Minh ThS. Hồ Anh Tâm	3	8-12	PTH VLKT	1
EPN3031	Công nghệ và kỹ thuật laser (TH) (học tuần 9, 11, 13, 15)	3	EPN3031 1	20	PGS.TS. Phạm Hồng Minh ThS. Hồ Anh Tâm	3	8-12	PTH VLKT	2
EPN3032	Quang phổ chất rắn và các vật liệu cấu trúc nano	3	EPN3032 1	40	PGS.TS. Nguyễn Kiên Cường PGS.TS. Nguyễn Đình Lãm	3	1-3	104-GĐ3	CL
EPN3029	Thực tập chuyên đề Công nghệ Quang tử	3	EPN3029 1	20	PGS.TS. Nghiêm Thị Hà Liên PGS.TS. Phạm Văn Vĩnh	5	7-12	PTH VLKT	CL
EPN3029	Thực tập chuyên đề Công nghệ Quang tử	3	EPN3029 2	20	PGS.TS. Nghiêm Thị Hà Liên PGS.TS. Phạm Văn Vĩnh	5	1-6	PTH VLKT	CL
EPN3024	Thiết bị quang tử	2	EPN3024 1	40	TS. Vũ Dương TS. Nguyễn Thị Yến Mai	4	9-10	104-GĐ3	CL
EPN3016	Quang phi tuyến	2	EPN3016 1	40	PGS.TS. Ngô Quang Minh PGS.TS. Nguyễn Đình Lãm	7	7-9	214-GĐ3	CL
EPN3020	Quang tử nanô	2	EPN3020 1	40	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa TS. Nguyễn Thị Yến Mai	4	7-8	104-GĐ3	CL
EPN3038	Vật liệu quang tử hữu cơ nanô	2	EPN3038 1	40	PGS.TS. Nguyễn Kiên Cường PGS.TS. Phạm Văn Vĩnh	3	4-5	104-GĐ3	CL
	Kiến thức định hướng chuyên sâu về Công nghệ nano và ứng dụng	17		40					
EPN3035	Vật liệu bán dẫn cấu trúc nano	2	EPN3035 1	40	TS. Nguyễn Đức Cường TS. Nguyễn Tuấn Cảnh	2	9-10	214-GĐ3	CL
EPN3010	Các vật liệu từ tính cấu trúc nano và kỹ thuật spin điện tử	2	EPN3010 1	40	PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang	3	9-10	312-GĐ2	CL
EPN3030	Thực tập chuyên đề Công nghệ nano	3	EPN3030 1	20	TS. Nguyễn Tuấn Cảnh TS. Vũ Thị Thao ThS. Nguyễn Đăng Cơ	3	1-6	PTH VLKT	CL
EPN3030	Thực tập chuyên đề Công nghệ nano	3	EPN3030 2	20	TS. Nguyễn Tuấn Cảnh TS. Vũ Thị Thao ThS. Nguyễn Đăng Cơ	7	7-12	PTH VLKT	CL
EPN3006	Các hệ vi cơ điện tử và ứng dụng	2	EPN3006 1	40	PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang	3	7-8	312-GĐ2	CL
EPN3009	Các vật liệu polymer chức năng cấu trúc nanô	2	EPN3009 1	40	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	4	1-2	302-GĐ2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EPN3052	Vật liệu gốm kỹ thuật	2	EPN3052 1	40	TS. Hồ Thị Anh	4	3-4	302-GĐ2	CL
EPN3053	Kỹ thuật bảo vệ vật liệu và ứng dụng	2	EPN3053 1	40	TS. Vũ Thị Thao	2	7-8	214-GĐ3	CL
EPN3055	Công nghệ chế tạo pin mặt trời	2	EPN3055 1	40	TS. Nguyễn Đức Cường	4	5-6	302-GĐ2	CL
Ngành Trí tuệ nhân tạo									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-AI									
Lớp tiến trình chuẩn									
AIT2003	Lập trình xử lý dữ liệu với Python	3	AIT2003 1	140	TS. Đặng Trần Bình	5	1-2	301-G2	CL
AIT2003	Lập trình xử lý dữ liệu với Python	3	AIT2003 1	35	CN. Nguyễn Văn Phi	4	1-2	PM307-G2	1
AIT2003	Lập trình xử lý dữ liệu với Python	3	AIT2003 1	35	CN. Nguyễn Văn Phi	4	3-4	PM307-G2	2
AIT2003	Lập trình xử lý dữ liệu với Python	3	AIT2003 1	35	CN. Đỗ Hải Sơn	4	1-2	PM305-G2	3
AIT2003	Lập trình xử lý dữ liệu với Python	3	AIT2003 1	35	CN. Đỗ Hải Sơn	4	3-4	PM305-G2	4
MAT1101#	Xác suất thống kê	3	MAT1101# 1	150	TS. Trần Quốc Long CN. Trần Minh Đức	6	1-3	301-G2	CL
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 3	150	TS. Lê Vũ Hà	2	7-9	301-G2	CL
AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	AIT2002 1	171	ThS. Vũ Quang Dũng CN. Nguyễn Văn Phi	3	1-2	301-G2	CL
AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	AIT2002 1	40	ThS. Vũ Quang Dũng	7	1-2	PM402-E5	1
AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	AIT2002 1	41	ThS. Vũ Quang Dũng	7	3-4	PM402-E5	2
AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	AIT2002 1	30	ThS. Vũ Quang Dũng	7	5-6	PM402-E5	3
AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	AIT2002 1	30	CN. Nguyễn Văn Phi	3	5-6	PM305-G2	5
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 4	180	ThS. Nguyễn Quang Minh	2	10-11	301-G2	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211 4	180	ThS. Nguyễn Quang Minh	3	9-10	Học online	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 4	40	ThS. Nguyễn Quang Minh	7	3-4	PM201-G2	1
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 4	40	ThS. Nguyễn Quang Minh	7	5-6	PM201-G2	2
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 4	40	ThS. Nguyễn Quang Minh	7	1-2	PM201-G2	3
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 4	30	Viện TTNT	3	3-4	PM305-G2	5
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 6	43	Trường ĐHNH	2	1-5	216-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 7	43	Trường ĐHNH	2	1-5	217-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 8	43	Trường ĐHNH	5	7-11	217-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 9	43	Trường ĐHNH	5	7-11	216-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
Lớp tiến trình nhanh									
AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	AIT2002 1	171	ThS. Vũ Quang Dũng CN. Nguyễn Văn Phi	3	1-2	301-G2	CL
AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	AIT2002 1	30	CN. Nguyễn Văn Phi	3	3-4	PM307-G2	4
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 4	180	ThS. Nguyễn Quang Minh	2	10-11	301-G2	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211 4	180	ThS. Nguyễn Quang Minh	3	9-10	Học online	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 4	30	Viện TTNT	3	5-6	PM307-G2	4
AIT2004	Cơ sở trí tuệ nhân tạo (học tuần 1-7)	3	AIT2004 1	31	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà	4	2-5	304-GĐ2	CL
AIT2004	Cơ sở trí tuệ nhân tạo (học tuần 1-7)	3	AIT2004 1	31	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà	5	2-5	304-GĐ2	CL
INT3405	Học máy (học tuần 8-14)	3	INT3405 1	31	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	4	3-6	304-GĐ2	CL
INT3405	Học máy (học tuần 8-14)	3	INT3405 1	31	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	5	3-6	304-GĐ2	CL
AIT2001	Mô hình hóa và tối ưu hóa trong Học máy (học tuần 1-7)	3	AIT2001 1	31	TS. Hoàng Thanh Tùng	7	2-5	104-GĐ3	CL
AIT2001	Mô hình hóa và tối ưu hóa trong Học máy (học tuần 1-7)	3	AIT2001 1	31	TS. Hoàng Thanh Tùng	7	7-10	104-GĐ3	CL
AIT3005*	Seminar khoa học	3	AIT3005* 1	31	PGS.TS. Nguyễn Phương Thái	6	10-12	301-GĐ2	CL
Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2019-I/CQ-N									
INT4055	Đồ án tốt nghiệp	10	INT4055 1	56	Khoa CNTT	CN	1-5	Khoa CNTT	CL
Ngành Công nghệ thông tin định hướng thị trường Nhật Bản									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-J									
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 2	100	TS. Võ Đình Hiếu	3	1-2	3-G3	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 2	30	ThS. Trần Mạnh Cường	5	11-12	PM305-G2	1
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 2	30	ThS. Trần Mạnh Cường	4	9-10	PM501-E5	2
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 2	40	ThS. Trần Mạnh Cường	4	11-12	PM402-E5	3
JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	JAP4023 1	22	Công ty Framgia	2	3-4	313-GĐ2	CL
JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	JAP4023 1	22	Công ty Framgia	3	3-4	313-GĐ2	CL
JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	JAP4023 1	22	Công ty Framgia	4	3-4	313-GĐ2	CL
JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	JAP4023 1	22	Công ty Framgia	5	3-4	313-GĐ2	CL
JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	JAP4023 2	22	Công ty Framgia	2	7-8	313-GĐ2	CL
JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	JAP4023 2	22	Công ty Framgia	3	7-8	313-GĐ2	CL
JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	JAP4023 2	22	Công ty Framgia	4	7-8	313-GĐ2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	JAP4023 2	22	Công ty Framgia	5	7-8	313-GĐ2	CL
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 5	70	TS. Nghiêm Nguyễn Việt Dũng	6	9-11	307-GĐ2	CL
INT2212	Kiến trúc máy tính	4	INT2212 4	70	TS. Phạm Minh Triền	2	9-12	308-GĐ2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 3	60	TS. Tạ Việt Cường	5	1-2	101-G2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 3	60	TS. Tạ Việt Cường	3	11-12	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 3	30	CN. Lê Bằng Giang	4	1-2	PM208-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 3	30	CN. Lê Bằng Giang	2	1-2	PM208-G2	2
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 3	70	TS. Lê Hồng Hải	5	9-10	307-GĐ2	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211 3	70	TS. Lê Hồng Hải	6	4-5	Học online	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 3	35	CN. Nguyễn Quốc An	3	1-2	PM208-G2	1
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 3	35	CN. Nguyễn Quốc An	6	1-2	PM402-E5	2
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-J									
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 2	80	Trường KHXXNV	6	7-8	3-G3	CL
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 1	160	TS. Lê Phê Đô	4	10-12	301-G2	CL
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 5	100	TS. Trần Quốc Long	3	7-9	3-G3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 4	70	TS. Lê Đình Thanh	2	4-5	309-GĐ2	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 4	35	Khoa CNTT	4	5-6	PM208-G2	1
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 4	35	Khoa CNTT	4	3-4	PM208-G2	2
INT3514	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong CNTT	2	INT3514 2	80	TS. Nguyễn Thành Luân	7	5-6	105-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-J									
INT3510	Chuẩn kỹ năng của CNTT	2	INT3510 1	40	Khoa CNTT	7	1-3	306-GĐ2	CL
INT3138	Chuyên đề Công nghệ Nhật Bản	3	INT3138 1	40	TS. Đặng Thanh Hải	4	3-4	104-GĐ3	CL
INT3139	Thực hành phát triển phần mềm (*)	3	INT3139 1	40	TS. Lê Khánh Trinh	4	1-2	104-GĐ3	CL
	Lựa chọn 6 tín chỉ thuộc khối kiến thức ngành	6		40					
INT3141	Tiếng Nhật trong Công nghệ thông tin 2 (môn tự chọn)	3	INT3141 1	40	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp Mr. Sanada	2	7-9	PM201-G2	CL
INT3321	Thực hành phát triển ứng dụng di động (*) (môn tự chọn)	3	INT3321 1	40	ThS. Nguyễn Việt Tân	6	1-5	PM207-G2	CL
Ngành Công nghệ thông tin									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-C									
INT3514	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong CNTT	2	INT3514 1	80	TS. Nguyễn Thành Luân	7	3-4	105-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3514	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong CNTT	2	INT3514 2	80	TS. Nguyễn Thành Luân	7	5-6	105-GĐ3	CL
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 1	160	TS. Lê Phê Đô	4	10-12	301-G2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 1	60	TS. Trần Thị Minh Châu	2	1-2	210-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 1	60	TS. Trần Thị Minh Châu	7	7-8	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 1	30	CN. Nguyễn Hoàng Minh Công	4	5-6	PM305-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 1	30	CN. Nguyễn Hoàng Minh Công	4	3-4	PM207-G2	2
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 2	60	TS. Trần Thị Minh Châu	2	3-4	210-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 2	60	TS. Trần Thị Minh Châu	7	9-10	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 2	30	CN. Nguyễn Hoàng Minh Công	6	5-6	PM501-E5	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 2	30	CN. Nguyễn Hoàng Minh Công	4	1-2	PM207-G2	2
INT2212	Kiến trúc máy tính	4	INT2212 1	65	PGS.TS. Trần Xuân Tú	6	7-10	207-GĐ3	CL
INT2212	Kiến trúc máy tính	4	INT2212 2	65	TS. Bùi Duy Hiếu	6	7-10	309-GĐ2	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 1	80	ThS. Vũ Bá Duy	3	7-8	101-G2	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211 1	80	ThS. Vũ Bá Duy	2	11-12	Học online	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 1	40	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trang	6	3-4	PM402-E5	1
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 1	40	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trang	6	5-6	PM402-E5	2
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 2	80	TS. Dư Phương Hạnh	2	7-8	101-G2	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211 2	80	TS. Dư Phương Hạnh	2	11-12	Học online	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 2	40	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trang	5	1-2	PM207-G2	1
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 2	40	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trang	5	3-4	PM207-G2	2
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 1	115	ThS. Nguyễn Đức Anh	3	10-11	3-G3	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 1	40	CN. Nguyễn Trọng Đạt	5	7-8	PM207-G2	1
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 1	35	CN. Nguyễn Trọng Đạt	5	9-10	PM202-G2	2
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 1	40	CN. Nguyễn Trọng Đạt	5	11-12	PM202-G2	3
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-C									
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL1001 1	90	Trường KHXXNV	3	7-8	309-GĐ2	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 1	120	TS. Lê Đình Thanh	5	9-10	301-G2	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 1	40	CN. Nguyễn Thái Dương	2	7-8	PM202-G2	1
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 1	40	CN. Nguyễn Thái Dương	2	9-10	PM202-G2	2
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 1	40	CN. Nguyễn Thái Dương	2	11-12	PM202-G2	3

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 2	120	TS. Lê Đình Thanh	5	11-12	301-G2	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 2	40	CN. Đào Minh Hải	3	5-6	PM202-G2	1
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 2	40	CN. Đào Minh Hải	3	1-2	PM202-G2	2
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 2	40	CN. Đào Minh Hải	3	3-4	PM202-G2	3
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 1	80	TS. Nguyễn Văn Vinh	5	1-3	107-G2	CL
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 2	80	TS. Nguyễn Văn Vinh	5	4-6	107-G2	CL
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 3	80	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh	5	4-6	308-GĐ2	CL
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 2	100	TS. Lê Phê Đô	4	7-9	301-G2	CL
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 3	90	TS. Hoàng Thị Diệp	6	10-12	107-GĐ3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 3	70	TS. Hoàng Xuân Tùng	2	10-11	206-GĐ3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 3	35	Khoa CNTT	4	11-12	PM208-G2	2
	Lựa chọn 6 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành	6		270					
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 1	90	ThS. Nguyễn Thu Trang	6	7-9	107-GĐ3	CL
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 2	80	ThS. Nguyễn Thu Trang	5	7-9	103-G2	CL
INT3106	Phương pháp hình thức (môn tự chọn)	3	INT3106 1	56	TS. Tô Văn Khánh	4	10-12	312-GĐ2	CL
INT3111	Quản lý dự án phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3111 1	80	TS. Trần Hoàng Việt	7	1-3	106-GĐ3	CL
INT3115	Thiết kế giao diện người dùng (môn tự chọn)	3	INT3115 1	90	TS. Ngô Thị Duyên	6	4-6	105-GĐ3	CL
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 1	90	TS. Lê Khánh Trình	2	1-3	105-GĐ3	CL
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 2	90	ThS. Nguyễn Việt Tân	4	1-3	105-GĐ3	CL
INT3207	Kho dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3207 1	80	TS. Bùi Quang Hưng	7	4-6	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 1	70	PGS.TS. Hà Quang Thụy	2	1-3	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 2	80	TS. Lê Hoàng Quỳnh	3	4-6	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 3	70	TS. Lê Hoàng Quỳnh	4	1-3	106-GĐ3	CL
INT3213	Nhập môn an toàn thông tin (môn tự chọn)	3	INT3213 1	80	TS. Lê Phê Đô	7	1-3	107-G2	CL
INT3506	Các hệ thống thương mại điện tử (môn tự chọn)	3	INT3506 1	80	TS. Bùi Quang Hưng	7	1-3	309-GĐ2	CL
INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng (môn tự chọn)	3	INT3301 1	50	TS. Ngô Lê Minh	7	7-11	PM304-G2	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	56	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	1-2	306-GĐ2	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	28	Khoa CNTT	4	1-2	PM401-E5	1
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	28	Khoa CNTT	4	3-4	PM401-E5	2

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3307	An toàn và an ninh mạng (môn tự chọn)	3	INT3307 1	80	TS. Nguyễn Đại Thọ	5	1-3	308-GĐ2	CL
INT3407	Tin sinh học (môn tự chọn)	3	INT3407 1	90	TS. Đặng Cao Cường	6	1-3	105-GĐ3	CL
INT3132	Dự án công nghệ (môn tự chọn)	3	INT3132 1	200	TS. Lê Đức Trọng	7	1-5	Khoa CNTT	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-C									
INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin	3	INT3507 1	50	ThS. Nguyễn Đức Anh	2	7-9	307-GĐ2	CL
INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin	3	INT3507 2	50	PGS.TS. Trương Ninh Thuận	4	7-9	312-GĐ2	CL
INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin	3	INT3507 3	50	PGS.TS. Nguyễn Hải Châu	5	7-9	302-GĐ2	CL
INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin	3	INT3507 4	50	TS. Nguyễn Đại Thọ	5	4-6	307-GĐ2	CL
INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin	3	INT3507 5	50	PGS.TS. Lê Sỹ Vinh	3	7-9	304-GĐ2	CL
	Lựa chọn 12 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành	12		220					
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 1	90	ThS. Nguyễn Thu Trang	6	7-9	107-GĐ3	CL
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 2	80	ThS. Nguyễn Thu Trang	5	7-9	103-G2	CL
INT3106	Phương pháp hình thức (môn tự chọn)	3	INT3106 1	56	TS. Tô Văn Khánh	4	10-12	312-GĐ2	CL
INT3111	Quản lý dự án phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3111 1	80	TS. Trần Hoàng Việt	7	1-3	106-GĐ3	CL
INT3115	Thiết kế giao diện người dùng (môn tự chọn)	3	INT3115 1	90	TS. Ngô Thị Duyên	6	4-6	105-GĐ3	CL
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 1	90	TS. Lê Khánh Trinh	2	1-3	105-GĐ3	CL
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 2	90	ThS. Nguyễn Việt Tân	4	1-3	105-GĐ3	CL
INT3207	Kho dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3207 1	80	TS. Bùi Quang Hưng	7	4-6	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 1	70	PGS.TS. Hà Quang Thụy	2	1-3	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 2	80	TS. Lê Hoàng Quỳnh	3	4-6	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 3	70	TS. Lê Hoàng Quỳnh	4	1-3	106-GĐ3	CL
INT3213	Nhập môn an toàn thông tin (môn tự chọn)	3	INT3213 1	80	TS. Lê Phê Đô	7	1-3	107-G2	CL
INT3506	Các hệ thống thương mại điện tử (môn tự chọn)	3	INT3506 1	80	TS. Bùi Quang Hưng	7	1-3	309-GĐ2	CL
INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng (môn tự chọn)	3	INT3301 1	50	TS. Ngô Lê Minh	7	7-11	PM304-G2	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	56	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	1-2	306-GĐ2	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	28	Khoa CNTT	4	1-2	PM401-E5	1
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	28	Khoa CNTT	4	3-4	PM401-E5	2
INT3307	An toàn và an ninh mạng (môn tự chọn)	3	INT3307 1	80	TS. Nguyễn Đại Thọ	5	1-3	308-GĐ2	CL
INT3407	Tin sinh học (môn tự chọn)	3	INT3407 1	90	TS. Đặng Cao Cường	6	1-3	105-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3132	Dự án công nghệ (môn tự chọn)	3	INT3132 1	200	TS. Lê Đức Trọng	7	1-5	Khoa CNTT	CL
Ngành Công nghệ thông tin Chất lượng cao									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-C-CLC (SV bắt buộc học đúng các lớp học phần in đậm có dấu *)									
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 2	80	TS. Dư Phương Hạnh	2	7-8	101-G2	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211 2	80	TS. Dư Phương Hạnh	2	11-12	Học online	CL
INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211 2	40	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trang	5	3-4	PM207-G2	2
INT2212	Kiến trúc máy tính *	4	INT2212 3	30	PGS.TS. Trần Trọng Hiếu	3	7-10	204-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật * (LT)	4	INT2210 4	30	TS. Trần Thị Minh Châu	4	9-10	313-GĐ2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật * (LT) (học tuần 2-9)	4	INT2210 4	30	TS. Trần Thị Minh Châu	6	1-2	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật * (TH)	4	INT2210 4	30	ThS. Kiều Hải Đăng	3	3-4	PM501-E5	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 2	100	TS. Võ Đình Hiếu	3	1-2	3-G3	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 2	40	ThS. Trần Mạnh Cường	4	11-12	PM402-E5	3
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 4	80	PGS.TS. Lê Sỹ Vinh	6	7-9	105-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 9	43	Trường ĐHNN	5	7-11	216-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-C-CLC (SV bắt buộc học đúng các lớp học phần in đậm có dấu *)									
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 4	80	PGS.TS. Lê Sỹ Vinh	6	7-9	105-GĐ3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 3	70	TS. Hoàng Xuân Tùng	2	10-11	206-GĐ3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 3	35	Khoa CNTT	4	9-10	PM208-G2	1
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 3	35	Khoa CNTT	4	11-12	PM208-G2	2
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 4	70	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy	2	7-9	206-GĐ3	CL
INT3403	Đồ họa máy tính (***) (môn tự chọn)	3	INT3403 1	56	TS. Ma Thị Châu	4	7-8	309-GĐ2	CL
INT3403	Đồ họa máy tính (***) (môn tự chọn)	3	INT3403 1	28	Khoa CNTT	6	1-2	PM501-E5	1
INT3403	Đồ họa máy tính (***) (môn tự chọn)	3	INT3403 1	28	Khoa CNTT	6	3-4	PM501-E5	2
	Lựa chọn 6 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành	6		56					
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 1	90	ThS. Nguyễn Thu Trang	6	7-9	107-GĐ3	CL
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 2	80	ThS. Nguyễn Thu Trang	5	7-9	103-G2	CL
INT3106	Phương pháp hình thức (môn tự chọn)	3	INT3106 1	56	TS. Tô Văn Khánh	4	10-12	312-GĐ2	CL
INT3111	Quản lý dự án phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3111 1	80	TS. Trần Hoàng Việt	7	1-3	106-GĐ3	CL
INT3115	Thiết kế giao diện người dùng (môn tự chọn)	3	INT3115 1	90	TS. Ngô Thị Duyên	6	4-6	105-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 1	90	TS. Lê Khánh Trinh	2	1-3	105-GĐ3	CL
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 2	90	ThS. Nguyễn Việt Tân	4	1-3	105-GĐ3	CL
INT3207	Kho dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3207 1	80	TS. Bùi Quang Hưng	7	4-6	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 1	70	PGS.TS. Hà Quang Thụy	2	1-3	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 2	80	TS. Lê Hoàng Quỳnh	3	4-6	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 3	70	TS. Lê Hoàng Quỳnh	4	1-3	106-GĐ3	CL
INT3213	Nhập môn an toàn thông tin (môn tự chọn)	3	INT3213 1	80	TS. Lê Phê Đô	7	1-3	107-G2	CL
INT3506	Các hệ thống thương mại điện tử (môn tự chọn)	3	INT3506 1	80	TS. Bùi Quang Hưng	7	1-3	309-GĐ2	CL
INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng (môn tự chọn)	3	INT3301 1	50	TS. Ngô Lê Minh	7	7-11	PM304-G2	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	56	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	1-2	306-GĐ2	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	28	Khoa CNTT	4	1-2	PM401-E5	1
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	28	Khoa CNTT	4	3-4	PM401-E5	2
INT3307	An toàn và an ninh mạng (môn tự chọn)	3	INT3307 1	80	TS. Nguyễn Đại Thọ	5	1-3	308-GĐ2	CL
INT3406	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên *** (môn tự chọn)	3	INT3406 1	56	TS. Đặng Trần Bình	3	7-9	310-GĐ2	CL
INT3406	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên *** (môn tự chọn)	3	INT3406 2	56	TS. Nguyễn Văn Vinh	2	1-3	307-GĐ2	CL
INT3132	Dự án công nghệ (môn tự chọn)	3	INT3132 1	200	TS. Lê Đức Trọng	7	1-5	Khoa CNTT	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-C-CLC (SV bắt buộc học đúng các lớp học phần in đậm có dấu *)									
INT3403	Đồ họa máy tính (***) (môn tự chọn)	3	INT3403 2	56	TS. Ma Thị Châu	3	3-4	303-GĐ2	CL
INT3403	Đồ họa máy tính (***) (môn tự chọn)	3	INT3403 2	28	Khoa CNTT	5	1-2	PM307-G2	1
INT3403	Đồ họa máy tính (***) (môn tự chọn)	3	INT3403 2	28	Khoa CNTT	5	3-4	PM307-G2	2
INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin	3	INT3507 6	50	TS. Đặng Thanh Hải	2	4-6	101-G2	CL
	Lựa chọn 12 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành	12		56					
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 1	90	ThS. Nguyễn Thu Trang	6	7-9	107-GĐ3	CL
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 2	80	ThS. Nguyễn Thu Trang	5	7-9	103-G2	CL
INT3106	Phương pháp hình thức (môn tự chọn)	3	INT3106 1	56	TS. Tô Văn Khánh	4	10-12	312-GĐ2	CL
INT3111	Quản lý dự án phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3111 1	80	TS. Trần Hoàng Việt	7	1-3	106-GĐ3	CL
INT3115	Thiết kế giao diện người dùng (môn tự chọn)	3	INT3115 1	90	TS. Ngô Thị Duyên	6	4-6	105-GĐ3	CL
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 1	90	TS. Lê Khánh Trinh	2	1-3	105-GĐ3	CL
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 2	90	ThS. Nguyễn Việt Tân	4	1-3	105-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3207	Kho dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3207 1	80	TS. Bùi Quang Hưng	7	4-6	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 1	70	PGS.TS. Hà Quang Thụy	2	1-3	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 2	80	TS. Lê Hoàng Quỳnh	3	4-6	309-GĐ2	CL
INT3209	Khai phá dữ liệu (môn tự chọn)	3	INT3209 3	70	TS. Lê Hoàng Quỳnh	4	1-3	106-GĐ3	CL
INT3213	Nhập môn an toàn thông tin (môn tự chọn)	3	INT3213 1	80	TS. Lê Phê Đô	7	1-3	107-G2	CL
INT3506	Các hệ thống thương mại điện tử (môn tự chọn)	3	INT3506 1	80	TS. Bùi Quang Hưng	7	1-3	309-GĐ2	CL
INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng (môn tự chọn)	3	INT3301 1	50	TS. Ngô Lê Minh	7	7-11	PM304-G2	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	56	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	1-2	306-GĐ2	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	28	Khoa CNTT	4	1-2	PM401-E5	1
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 1	28	Khoa CNTT	4	3-4	PM401-E5	2
INT3307	An toàn và an ninh mạng (môn tự chọn)	3	INT3307 1	80	TS. Nguyễn Đại Thọ	5	1-3	308-GĐ2	CL
INT3406	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên *** (môn tự chọn)	3	INT3406 1	56	TS. Đặng Trần Bình	3	7-9	310-GĐ2	CL
INT3406	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên *** (môn tự chọn)	3	INT3406 2	56	TS. Nguyễn Văn Vinh	2	1-3	307-GĐ2	CL
INT3132	Dự án công nghệ (môn tự chọn)	3	INT3132 1	200	TS. Lê Đức Trọng	7	1-5	Khoa CNTT	CL

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử CLC

Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-M-CLC

Lớp số 1

EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 20	60	TS. Nguyễn Văn Quang	2	5-6	210-GĐ3	CL
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 20	30	TS. Nguyễn Văn Quang	3	3-4	208-GĐ3	1
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 20	30	TS. Nguyễn Văn Quang	3	5-6	208-GĐ3	2
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 20	60	PGS.TS. Đào Như Mai	4	9-10	101-G2	CL
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 20	30	TS. Đỗ Nam	3	1-2	216-GĐ3	1
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 20	30	TS. Đỗ Nam	3	3-4	216-GĐ3	2
EMA2006E	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006E 20	120	TS. Đinh Trần Hiệp	6	11-12	301-G2	TA
EMA2006E	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006E 20	30	TS. Đinh Trần Hiệp	5	3-4	210-GĐ3	1
EMA2006E	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006E 20	30	TS. Đinh Trần Hiệp	5	1-2	210-GĐ3	2
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 20	60	TS. Phan Thị Trà My	6	5-6	101-G2	CL
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 20	30	TS. Phan Thị Trà My	4	7-8	PM208-G2	1
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 20	30	TS. Phan Thị Trà My	6	8-9	PM305-G2	2
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện	2	EMA2026 20	60	PGS.TS. Bùi Thanh Tùng	6	3-4	101-G2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 20	20	ThS. Phạm Đình Tuấn ThS. Nguyễn Thu Hằng	3	7-9	701-E3	1
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 20	20	ThS. Phạm Đình Tuấn ThS. Nguyễn Thu Hằng	3	10-12	701-E3	2
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 20	20	ThS. Phạm Đình Tuấn ThS. Nguyễn Thu Hằng	5	7-9	701-E3	3
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 20	40	Trường ĐHNH	7	1-5	215-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 22	40	Trường ĐHNH	4	1-5	217-GĐ3	CL
Lớp số 2									
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 21	60	TS. Nguyễn Văn Quang	4	9-10	206-GĐ3	CL
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 21	30	TS. Nguyễn Văn Quang	3	11-12	216-GĐ3	1
EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	EMA2050 21	30	TS. Nguyễn Văn Quang	3	9-10	217-GĐ3	2
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 21	60	PGS.TS. Đào Như Mai	5	7-8	208-GĐ3	CL
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 21	30	ThS. Đỗ Huy Điệp	3	9-10	216-GĐ3	1
EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	EMA2036 21	30	ThS. Đỗ Huy Điệp	3	11-12	217-GĐ3	2
EMA2006E	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006E 20	120	TS. Đinh Trần Hiệp	6	11-12	301-G2	TA
EMA2006E	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006E 20	30	TS. Đinh Trần Hiệp	6	1-2	302-GĐ2	3
EMA2006E	Matlab và ứng dụng	3	EMA2006E 20	30	TS. Đinh Trần Hiệp	6	3-4	302-GĐ2	4
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 21	60	TS. Phan Thị Trà My	4	4-5	206-GĐ3	CL
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 21	30	TS. Phan Thị Trà My	2	3-4	PM208-G2	1
EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	EMA2032 21	30	TS. Phan Thị Trà My	2	5-6	PM208-G2	2
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện	2	EMA2026 21	60	PGS.TS. Bùi Thanh Tùng	4	7-8	206-GĐ3	CL
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 21	20	ThS. Trần Như Chí	2	7-9	701-E3	1
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 21	20	ThS. Trần Như Chí	2	10-12	701-E3	2
EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện (học từ tuần 10-15)	2	EMA2026 21	20	ThS. Trần Như Chí	6	7-9	701-E3	3
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 21	40	Trường ĐHNH	5	1-5	215-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 22	40	Trường ĐHNH	4	1-5	217-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-M-CLC									
Lớp số 1									
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 20	130	Trường KHXHNV	7	1-2	301-G2	CL
EMA2033	Cơ sở thiết kế máy	4	EMA2033 20	80	TS. Trần Thanh Tùng	5	1-3	102-GĐ3	CL
EMA2033	Cơ sở thiết kế máy	4	EMA2033 20	40	TS. Trần Thanh Tùng	3	1-3	214-GĐ3	1

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA2033	Cơ sở thiết kế máy	4	EMA2033 20	40	TS. Trần Thanh Tùng	3	9-11	104-GĐ3	2
EMA2022E	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022E 20	80	TS. Trần Anh Quân	7	3-4	103-G2	TA
EMA2022E	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022E 20	40	TS. Trần Anh Quân	3	11-12	215-GĐ3	1
EMA2022E	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022E 20	40	TS. Trần Anh Quân	6	11-12	216-GĐ3	2
EMA2024E	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024E 20	170	TS. Đinh Trần Hiệp	6	9-10	301-G2	TA
EMA2024E	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024E 20	40	TS. Đinh Trần Hiệp	4	3-4	PM402-E5	1
EMA2024E	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024E 20	40	TS. Đinh Trần Hiệp	4	5-6	PM402-E5	2
INT2013	Kiến trúc máy tính và mạng truyền thông công nghiệp	3	INT2013 20	80	ThS. Đặng Anh Việt	5	4-6	102-GĐ3	CL
Lớp số 2									
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 20	130	Trường KHXXHN	7	1-2	301-G2	CL
EMA2033	Cơ sở thiết kế máy	4	EMA2033 21	90	TS. Trần Thanh Tùng	6	1-3	107-GĐ3	CL
EMA2033	Cơ sở thiết kế máy	4	EMA2033 21	30	TS. Trần Thanh Tùng	6	4-6	104-GĐ3	1
EMA2033	Cơ sở thiết kế máy	4	EMA2033 21	30	TS. Trần Thanh Tùng	2	8-10	306-GĐ2	2
EMA2033	Cơ sở thiết kế máy	4	EMA2033 21	30	TS. Trần Thanh Tùng	4	9-11	310-GĐ2	3
EMA2022E	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022E 21	90	TS. Trần Anh Quân	7	9-10	105-GĐ3	TA
EMA2022E	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022E 21	30	TS. Trần Anh Quân	7	7-8	105-GĐ3	1
EMA2022E	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022E 21	30	TS. Trần Anh Quân	7	11-12	105-GĐ3	2
EMA2022E	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	EMA2022E 21	30	TS. Trần Anh Quân	5	11-12	208-GĐ3	3
EMA2024E	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024E 20	170	TS. Đinh Trần Hiệp	6	9-10	301-G2	TA
EMA2024E	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024E 20	45	TS. Đinh Trần Hiệp	2	3-4	PM304-G2	3
EMA2024E	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	EMA2024E 20	45	TS. Đinh Trần Hiệp	2	5-6	PM304-G2	4
INT2013	Kiến trúc máy tính và mạng truyền thông công nghiệp	3	INT2013 21	90	ThS. Đặng Anh Việt	3	10-12	107-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-M-CLC									
EMA4002	Thực tập xưởng	2	EMA4002 20	140	Bộ môn Cơ điện tử và Tự động hóa	CN	1-5	Khoa CHKT&TDH	CL
	Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu	8							
	Định hướng về Hệ thống cơ điện tử	8							
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 20	70	TS. Đỗ Đức Đông	7	1-3	206-GĐ3	CL
EMA3135	SCADA	3	EMA3135 20	68	TS. Hoàng Văn Mạnh	5	11-12	106-GĐ3	CL
EMA3134	SCADA (học tuần 6-15)	3	EMA3135 20	23	ThS. Nguyễn Quang Nhã	2	7-9	310-G2	1

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA3135	SCADA (học tuần 6-15)	3	EMA3135 20	23	ThS. Nguyễn Quang Nhã	2	10-12	310-G2	2
EMA3143	Đồ án 01: Đồ án chuyên ngành Cơ điện tử 1	2	EMA3143 20	90	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng TS. Hoàng Văn Mạnh	6	7-9	106-GĐ3	CL
	Định hướng về Chế tạo thiết bị	8							
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 20	70	TS. Đỗ Đức Đông	7	1-3	206-GĐ3	CL
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 21	70	TS. Đỗ Đức Đông	7	7-9	206-GĐ3	CL
EMA3135	SCADA	3	EMA3135 20	68	TS. Hoàng Văn Mạnh	5	11-12	106-GĐ3	CL
EMA3135	SCADA (học tuần 6-15)	3	EMA3135 20	22	ThS. Nguyễn Quang Nhã	4	7-9	310-G2	3
EMA3135	SCADA	3	EMA3135 21	68	TS. Hoàng Văn Mạnh	5	3-4	206-GĐ3	CL
EMA3135	SCADA (học tuần 6-15)	3	EMA3135 21	22	ThS. Nguyễn Quang Nhã	4	10-12	310-G2	3
EMA3143	Đồ án 01: Đồ án chuyên ngành Cơ điện tử 1	2	EMA3143 21	44	TS. Trần Anh Quân	2	10-12	104-GĐ3	CL
	Định hướng về Đo lường và điều khiển	8							
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 21	70	TS. Đỗ Đức Đông	7	7-9	206-GĐ3	CL
EMA3135	SCADA	3	EMA3135 21	68	TS. Hoàng Văn Mạnh	5	3-4	206-GĐ3	CL
EMA3135	SCADA (học tuần 6-15)	3	EMA3135 21	23	ThS. Nguyễn Quang Nhã	7	1-3	310-G2	1
EMA3135	SCADA (học tuần 6-15)	3	EMA3135 21	23	ThS. Nguyễn Quang Nhã	2	1-3	310-G2	2
EMA3143	Đồ án 01: Đồ án chuyên ngành Cơ điện tử 1	2	EMA3143 20	90	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng TS. Hoàng Văn Mạnh	6	7-9	106-GĐ3	CL
	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu	8							
	Định hướng về Hệ thống cơ điện tử	8							
EMA3071E	Ứng dụng máy tính trong đo lường và điều khiển	3	EMA3071E 20	90	TS. Hoàng Văn Mạnh	6	10-11	106-GĐ3	TA
EMA3071E	Ứng dụng máy tính trong đo lường và điều khiển (học tuần 8-15)	3	EMA3071E 20	23	TS. Hoàng Văn Mạnh	3	2-5	310-G2	1
EMA3071E	Ứng dụng máy tính trong đo lường và điều khiển (học tuần 8-15)	3	EMA3071E 20	22	TS. Hoàng Văn Mạnh	3	7-10	310-G2	2
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 20	68	PGS.TS. Đặng Thế Ba	5	9-10	106-GĐ3	TA
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 20	34	PGS.TS. Đặng Thế Ba	4	3-4	213-GĐ3	1
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 20	34	PGS.TS. Đặng Thế Ba	4	1-2	213-GĐ3	2
EMA2028	Nhập môn công nghệ vi cơ điện tử	2	EMA2028 20	90	PGS.TS. Mai Anh Tuấn	5	1-2	107-GĐ3	CL
	Định hướng về Chế tạo thiết bị	8							
EMA3042E	Thiết kế khuôn mẫu	2	EMA3042E 20	44	TS. Đinh Văn Duy KS. Nguyễn Phương Chi	2	7-9	210-GĐ3	TA

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
EMA3006E	Công nghệ gia công phi truyền thống và tạo mẫu nhanh	3	EMA3006E 20	44	TS. Trần Ngọc Hưng	6	9-12	215-GĐ3	TA
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 20	68	PGS.TS. Đặng Thế Ba	5	9-10	106-GĐ3	TA
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 20	34	PGS.TS. Đặng Thế Ba	4	3-4	213-GĐ3	1
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 21	68	PGS.TS. Đặng Thế Ba	3	1-2	208-GĐ3	CL
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 21	34	PGS. TS. Đặng Thế Ba	3	3-4	203-GĐ3	2
	Định hướng về Đo lường và điều khiển	8							
EMA3071E	Ứng dụng máy tính trong đo lường và điều khiển	3	EMA3071E 20	90	TS. Hoàng Văn Mạnh	6	10-11	106-GĐ3	TA
EMA3071E	Ứng dụng máy tính trong đo lường và điều khiển (học tuần 8-15)	3	EMA3071E 20	23	TS. Hoàng Văn Mạnh	6	2-5	310-G2	3
EMA3071E	Ứng dụng máy tính trong đo lường và điều khiển (học tuần 8-15)	3	EMA3071E 20	22	TS. Hoàng Văn Mạnh	4	2-5	310-G2	4
EMA2028	Nhập môn công nghệ vi cơ điện tử	2	EMA2028 20	90	PGS.TS. Mai Anh Tuấn	5	1-2	107-GĐ3	CL
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 21	68	PGS.TS. Đặng Thế Ba	3	1-2	208-GĐ3	CL
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 21	34	PGS.TS. Đặng Thế Ba	4	7-8	204-GĐ3	1
EMA3116E	Kỹ thuật thủy khí	3	EMA3116E 21	34	PGS. TS. Đặng Thế Ba	3	3-4	203-GĐ3	2
Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử – truyền thông CLC									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-ĐA-CLC									
Lớp số 1									
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 24	40	Trường ĐHNH	7	7-11	213-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 31	40	Trường ĐHNH	3	1-5	213-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 32	40	Trường ĐHNH	2	7-11	216-GĐ3	CL
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL1001 23	70	Trường KHXHNV	7	5-6	3-G3	CL
ELT2030	Kỹ thuật điện	3	ELT2030 20	60	GS.TS. Chử Đức Trinh	3	7-9	107-G2	CL
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 20	60	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	2	1-3	207-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 26	60	TS. Ma Thị Châu	4	9-10	309-GĐ2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 26	60	TS. Ma Thị Châu	5	10-11	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 26	30	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang A	5	1-2	PM305-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 26	30	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang A	5	3-4	PM305-G2	2
ELT2029	Toán trong Công nghệ (môn tự chọn)	3	ELT2029 20	60	PGS.TS. Nguyễn Linh Trung TS. Lâm Sinh Công	4	3-5	205-GĐ3	CL
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 25	120	TS. Hoàng Thị Hải Yến	5	5-6	3-G3	CL
Lớp số 2									

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 24	40	Trường ĐHNH	7	7-11	213-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 31	40	Trường ĐHNH	3	1-5	213-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 32	40	Trường ĐHNH	2	7-11	216-GĐ3	CL
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL1001 23	70	Trường KHSHNV	7	5-6	3-G3	CL
ELT2030	Kỹ thuật điện	3	ELT2030 21	60	PGS.TS. Bùi Thanh Tùng	3	10-12	107-G2	CL
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 21	60	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	4	1-3	206-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 27	60	TS. Ngô Thị Duyên	2	4-5	208-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 27	60	TS. Ngô Thị Duyên	5	10-11	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 27	30	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang A	7	1-2	PM305-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 27	30	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang A	7	3-4	PM305-G2	2
ELT2029	Toán trong Công nghệ (môn tự chọn)	3	ELT2029 21	60	PGS.TS. Nguyễn Linh Trung TS. Lâm Sinh Công	2	1-3	208-GĐ3	CL
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 25	120	TS. Hoàng Thị Hải Yến	5	5-6	3-G3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-ĐA-CLC									
Lớp số 1									
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HIS1001 21	120	Trường KHSHNV	7	3-4	301-G2	CL
ELT2031E	Mô hình hóa và mô phỏng	2	ELT2031E 20	80	PGS.TS. Hoàng Văn Xiêm	7	1-2	103-G2	TA
ELT2031E	Mô hình hóa và mô phỏng	2	ELT2031E 20	40	PGS.TS. Hoàng Văn Xiêm	6	7-10	PM402-E5	1
ELT2031E	Mô hình hóa và mô phỏng	2	ELT2031E 20	40	PGS.TS. Hoàng Văn Xiêm	4	7-10	PM402-E5	2
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 20	20	ThS. Phạm Đình Tuấn ThS. Chu Thị Phương Dung	2	1-5	209-G2	CL
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 21	20	TS. Nguyễn Đăng Phú ThS. Trần Thanh Hằng	6	1-5	209-G2	CL
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 22	20	TS. Phạm Duy Hưng ThS. Trần Thanh Hằng	4	8-12	209-G2	CL
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 23	20	TS. Phạm Duy Hưng ThS. Nguyễn Vinh Quang	3	7-11	209-G2	CL
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 20	20	TS. Nguyễn Đăng Phú ThS. Nguyễn Thu Hằng	5	1-5	210-G2	CL
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 21	20	TS. Phạm Đức Quang ThS. Trần Thanh Hằng	2	7-11	210-G2	CL
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 22	20	TS. Phạm Ngọc Thảo ThS. Đặng Anh Việt	6	8-12	210-G2	CL
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 23	20	TS. Phạm Ngọc Thảo	7	7-11	210-G2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
					ThS. Nguyễn Văn Cường				
ELT3057	Truyền thông số và mã hóa	3	ELT3057 20	80	TS. Lê Trần Mạnh	3	1-3	102-GĐ3	CL
ELT3047E	Kiến trúc máy tính	3	ELT3047E 20	75	TS. Hoàng Gia Hưng	4	1-3	102-GĐ3	TA
Lớp số 2									
ELT2031E	Mô hình hóa và mô phỏng	2	ELT2031E 21	90	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	2	4-5	107-GĐ3	TA
ELT2031E	Mô hình hóa và mô phỏng	2	ELT2031E 21	45	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	5	7-10	PM304-G2	1
ELT2031E	Mô hình hóa và mô phỏng	2	ELT2031E 21	45	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	2	9-12	PM304-G2	2
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 24	20	TS. Mai Linh ThS. Nguyễn Thu Hằng	4	1-5	209-G2	CL
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 25	20	TS. Mai Linh ThS. Trần Thanh Hằng	6	7-11	209-G2	CL
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 26	20	ThS. Trần Như Chí ThS. Chu Thị Phương Dung	5	1-5	209-G2	CL
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 27	20	TS. Nguyễn Đăng Phú ThS. Phạm Xuân Lộc	7	7-11	209-G2	CL
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 24	20	ThS. Phạm Đình Tuấn ThS. Nguyễn Thu Hằng	6	1-5	210-G2	CL
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 25	20	ThS. Trần Như Chí ThS. Phạm Xuân Lộc	4	7-11	210-G2	CL
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 26	20	ThS. Nguyễn Văn Cường ThS. Chu Thị Phương Dung	3	1-5	210-G2	CL
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 27	20	ThS. Nguyễn Vinh Quang ThS. Chu Thị Phương Dung	5	7-11	210-G2	CL
ELT3057	Truyền thông số và mã hóa	3	ELT3057 21	90	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ	3	7-9	107-GĐ3	CL
ELT3047E	Kiến trúc máy tính	3	ELT3047E 21	85	TS. Hoàng Gia Hưng	2	10-12	102-GĐ3	TA
	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành theo định hướng chuyên sâu	6		170					
ELT3067	Truyền thông quang (môn tự chọn)	3	ELT3067 20	70	TS. Bùi Trung Ninh	5	1-3	205-GĐ3	CL
ELT3062E	Mạng truyền thông máy tính 2 (môn tự chọn)	3	ELT3062E 20	40	TS. Lâm Sinh Công	5	4-6	213-GĐ3	TA
ELT3056	Truyền thông vô tuyến (môn tự chọn)	3	ELT3056 20	40	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ	4	7-9	214-GĐ3	CL
ELT3163	Mạng truyền thông di động (môn tự chọn)	3	ELT3163 20	40	TS. Lâm Sinh Công	2	7-9	215-GĐ3	CL
ELT3048E	Hệ thống vi xử lý (môn tự chọn) (LT)	3	ELT3048E 20	40	TS. Nguyễn Ngọc An	2	10-11	215-GĐ3	TA
ELT3048E	Hệ thống vi xử lý (môn tự chọn) (TH)	3	ELT3048E 20	40	ThS. Phạm Xuân Lộc	6	11-12	PM207-G2	TA
ELT3097	Lập trình cho thiết bị di động (môn tự chọn)	3	ELT3097 20	60	TS. Nguyễn Kiêm Hùng	3	3-4	207-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
ELT3097	Lập trình cho thiết bị di động (môn tự chọn)	3	ELT3097 20	30	ThS. Nguyễn Như Cường	2	7-8	PM305-G2	1
ELT3104	Lập trình ghép nối máy tính (môn tự chọn)	3	ELT3104 20	40	TS. Phạm Duy Hưng	5	7-9	303-GĐ2	CL
ELT3104	Lập trình ghép nối máy tính (học tuần 10-15) (môn tự chọn)	3	ELT3104 20	20	ThS. Phạm Đình Tuấn	3	1-5	701-E3	1
ELT3104	Lập trình ghép nối máy tính (học tuần 10-15) (môn tự chọn)	3	ELT3104 20	20	ThS. Trần Thanh Hằng	7	7-11	701-E3	2
ELT3105	Mạch xử lý tín hiệu y sinh (môn tự chọn)	3	ELT3105 20	20	TS. Chử Đức Hoàng	6	1-4	203-GĐ3	CL
ELT3012	Nhập môn xử lý ảnh y sinh (môn tự chọn)	3	ELT3012 20	20	TS. Lê Vũ Hà	5	10-12	302-GĐ2	CL
ELT3096E	Cơ sở điện sinh học (môn lựa chọn)	3	ELT3096E 20	40	TS. Vũ Ngọc Trung TS. Đỗ Xuân Lộc	4	4-6	214-GĐ3	TA
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-ĐA-CLC									
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 20	21	TS. Phạm Duy Hưng ThS. Phạm Đình Tuấn	4	1-6	705-E3	CL
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 21	21	TS. Phạm Duy Hưng ThS. Chu Thị Phương Dung	2	7-12	705-E3	CL
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 22	21	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh ThS. Chu Thị Phương Dung	4	7-12	705-E3	CL
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 23	21	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh TS. Trần Cao Quyền	2	1-6	705-E3	CL
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 24	21	TS. Phạm Đức Quang TS. Trần Cao Quyền	3	1-6	705-E3	CL
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 25	21	TS. Phạm Đức Quang ThS. Phạm Đình Tuấn	7	7-12	705-E3	CL
PSY1050	Tâm lý học đại cương (môn tự chọn)	2	PSY1050 20	70	TS. Đặng Thị Lan	7	1-2	307-GĐ2	CL
PSY1050	Tâm lý học đại cương (môn tự chọn)	2	PSY1050 21	70	TS. Đặng Thị Lan	7	3-4	307-GĐ2	CL
	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành tự chọn	12		130					
ELT3094	Nhập môn xử lý tín hiệu cho hệ thống đa phương tiện (môn tự chọn)	3	ELT3094 20	40	TS. Đinh Triều Dương	6	4-6	213-GĐ3	CL
ELT3244	IoT và ứng dụng (môn tự chọn)	3	ELT3244 20	60	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng	5	7-9	205-GĐ3	CL
ELT3244	IoT và ứng dụng (môn tự chọn) (học tuần 11,14)	3	ELT3244 20	20	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng	4	1-6	202-G2	1
ELT3244	IoT và ứng dụng (môn tự chọn) (học tuần 12,15)	3	ELT3244 20	20	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng	4	1-6	202-G2	2
ELT3244	IoT và ứng dụng (môn tự chọn) (học tuần 13,16)	3	ELT3244 20	20	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng	4	1-6	202-G2	3
ELT2032E	Linh kiện điện tử (môn tự chọn)	3	ELT2032E 20	60	TS. Phạm Ngọc Thảo	6	1-3	208-GĐ3	TA

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
ELT3246	Lập trình DSP (môn tự chọn)	3	ELT3246 20	50	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	4	7-11	PM304-G2	CL
ELT3099	Các phương pháp xử lý tín hiệu (môn tự chọn)	3	ELT3099 20	40	PGS.TS. Nguyễn Linh Trung TS. Lê Vũ Hà	3	10-12	213-GĐ3	CL
ELT3189	Kỹ thuật anten (môn tự chọn)	3	ELT3189 20	50	TS. Trần Cao Quyền	6	10-12	205-GĐ3	CL
ELT3110	Quang điện tử (môn tự chọn)	3	ELT3110 20	70	TS. Phạm Đức Quang	6	7-9	205-GĐ3	CL
ELT3088	Mems sinh học và các thiết bị y sinh (môn tự chọn)	3	ELT3088 20	80	TS. Phạm Ngọc Thảo	6	4-6	102-GĐ3	CL
ELT3111	Hệ thống logic mờ (môn tự chọn)	3	ELT3111 20	80	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân	7	4-6	308-GĐ2	CL
Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu CLC									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-N-CLC									
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 24	40	Trường ĐHNH	7	7-11	213-GĐ3	CL
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 21	50	TS. Dư Phương Hạnh	5	5-6	101-G2	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211E 21	50	TS. Dư Phương Hạnh	6	9-10	Học online	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 21	25	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân	2	1-2	PM501-E5	1
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 21	25	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân	2	3-4	PM402-E5	2
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 21	50	PGS.TS. Nguyễn Việt Anh	5	3-4	101-G2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 21	50	PGS.TS. Nguyễn Việt Anh	2	7-8	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 21	25	ThS. Vương Thị Hải Yến	2	3-4	PM501-E5	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 21	25	ThS. Vương Thị Hải Yến	2	1-2	PM402-E5	2
INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	INT2212E 21	50	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	4	1-4	101-G2	TA
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 21	50	TS. Vũ Thị Hồng Nhạn	4	7-8	310-GĐ2	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 21	25	Khoa CNTT	3	1-2	PM305-G2	1
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 21	25	Khoa CNTT	3	3-4	PM208-G2	2
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 25	50	TS. Hoàng Thị Diệp	6	4-6	208-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-N-CLC									
INT2044E	Lý thuyết thông tin	3	INT2044E 20	70	TS. Lê Nguyên Khôi	3	4-6	307-GĐ2	TA
INT2214	Nguyên lý hệ điều hành	4	INT2214 20	50	TS. Nguyễn Thị Hậu	5	3-6	303-GĐ2	CL
INT3303	Mạng không dây	3	INT3303 20	80	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn	3	1-3	309-GĐ2	CL
INT3307E	An toàn và an ninh mạng	3	INT3307E 20	50	TS. Nguyễn Đại Thọ	6	1-3	303-GĐ2	TA
INT3310	Quản trị mạng	3	INT3310 20	50	TS. Dương Lê Minh	6	4-6	303-GĐ2	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 21	56	TS. Lê Đình Thanh	5	1-2	303-GĐ2	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 21	28	ThS. Đào Minh Thư	3	7-8	PM305-G2	1
INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306 21	28	ThS. Đào Minh Thư	3	9-10	PM305-G2	2

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
	Lựa chọn 3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến ngành	3		56					
INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng (môn tự chọn)	3	INT3301 21	50	TS. Lê Thị Hợi	7	7-11	PM402-E5	CL
INT3309E	Phân tích và thiết kế mạng máy tính (môn tự chọn)	3	INT3309E 20	60	TS. Phạm Mạnh Linh ThS. Nguyễn Xuân Trường	4	3-5	211-GĐ3	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 20	60	TS. Nguyễn Ngọc Tân	4	7-8	210-GĐ3	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 20	30	ThS. Nguyễn Xuân Trường KS. Hoàng Tích Phúc	2	3-4	PM307-G2	1
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 20	30	ThS. Nguyễn Xuân Trường KS. Hoàng Tích Phúc	2	1-2	PM307-G2	2
INT3305	Truyền thông đa phương tiện (môn tự chọn)	3	INT3305 20	60	TS. Hoàng Xuân Tùng	2	7-9	209-GĐ3	CL
INT3319	Điện toán đám mây (môn tự chọn)	3	INT3319 20	80	TS. Phạm Mạnh Linh	4	7-8	308-GĐ2	CL
INT3319	Điện toán đám mây (môn tự chọn)	3	INT3319 20	30	ThS. Nguyễn Xuân Trường	2	7-8	PM307-G2	1
INT3319	Điện toán đám mây (môn tự chọn)	3	INT3319 20	30	ThS. Nguyễn Xuân Trường	2	9-10	PM307-G2	2
INT3022	Phát triển ứng dụng Internet of Things (môn tự chọn)	3	INT3022 20	60	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn TS. Nguyễn Ngọc Tân	4	9-10	210-GĐ3	TA
INT3022	Phát triển ứng dụng Internet of Things (môn tự chọn)	3	INT3022 20	30	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	7-9	PM502-E5	1
INT3022	Phát triển ứng dụng Internet of Things (môn tự chọn)	3	INT3022 20	30	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	10-12	PM502-E5	2
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-N-CLC									
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 20	80	TS. Hoàng Thị Hải Yến	5	1-2	3-G3	CL
	Lựa chọn 12 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến ngành	12		66					
INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng (môn tự chọn)	3	INT3301 21	50	TS. Lê Thị Hợi	7	7-11	PM402-E5	CL
INT3309E	Phân tích và thiết kế mạng máy tính (môn tự chọn)	3	INT3309E 20	60	TS. Phạm Mạnh Linh ThS. Nguyễn Xuân Trường	4	3-5	211-GĐ3	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 20	60	TS. Nguyễn Ngọc Tân	4	7-8	210-GĐ3	CL
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 20	30	ThS. Nguyễn Xuân Trường KS. Hoàng Tích Phúc	2	3-4	PM307-G2	1
INT3304	Lập trình mạng (môn tự chọn)	3	INT3304 20	30	ThS. Nguyễn Xuân Trường KS. Hoàng Tích Phúc	2	1-2	PM307-G2	2
INT3305	Truyền thông đa phương tiện (môn tự chọn)	3	INT3305 20	60	TS. Hoàng Xuân Tùng	2	7-9	209-GĐ3	CL
INT3319	Điện toán đám mây (môn tự chọn)	3	INT3319 20	80	TS. Phạm Mạnh Linh	4	7-8	308-GĐ2	CL
INT3319	Điện toán đám mây (môn tự chọn)	3	INT3319 20	30	ThS. Nguyễn Xuân Trường	2	7-8	PM307-G2	1

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3319	Điện toán đám mây (môn tự chọn)	3	INT3319 20	30	ThS. Nguyễn Xuân Trường	2	9-10	PM307-G2	2
INT3022	Phát triển ứng dụng Internet of Things (môn tự chọn)	3	INT3022 20	60	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn TS. Nguyễn Ngọc Tân	4	9-10	210-GĐ3	TA
INT3022	Phát triển ứng dụng Internet of Things (môn tự chọn)	3	INT3022 20	30	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	7-9	PM502-E5	1
INT3022	Phát triển ứng dụng Internet of Things (môn tự chọn)	3	INT3022 20	30	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	10-12	PM502-E5	2
Ngành Hệ thống thông tin CLC									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-T-CLC									
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 22	40	Trường ĐHNH	4	1-5	217-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 23	40	Trường ĐHNH	7	1-5	216-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 24	40	Trường ĐHNH	7	7-11	213-GĐ3	CL
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 20	80	TS. Hoàng Thị Diệp	6	1-3	102-GĐ3	CL
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 20	80	TS. Nguyễn Thị Hậu	3	7-8	308-GĐ2	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211E 20	80	TS. Nguyễn Thị Hậu	6	7-8	Học online	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 20	40	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân	5	9-10	PM201-G2	1
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 20	40	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân	5	7-8	PM502-E5	2
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 20	80	TS. Bùi Ngọc Thăng	3	9-10	308-GĐ2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 20	80	TS. Bùi Ngọc Thăng	6	9-10	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 20	40	ThS. Vương Thị Hải Yến	5	7-8	PM202-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 20	40	ThS. Vương Thị Hải Yến	5	9-10	PM207-G2	2
INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	INT2212E 20	80	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	4	9-12	107-G2	TA
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 20	80	TS. Tô Văn Khánh	2	9-10	101-G2	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 20	40	Khoa CNTT	2	1-2	PM502-E5	1
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 20	40	Khoa CNTT	2	3-4	PM502-E5	2
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-T-CLC									
INT3306E	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306E 20	60	TS. Hoàng Xuân Tùng	6	3-4	205-GĐ3	TA
INT3306E	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306E 20	30	ThS. Đào Minh Thư	5	7-8	PM305-G2	1
INT3306E	Phát triển ứng dụng Web	3	INT3306E 20	30	ThS. Đào Minh Thư	5	9-10	PM305-G2	2
INT3201E	Cơ sở các hệ thống thông tin	4	INT3201E 20	60	PGS.TS. Hà Quang Thụy	2	7-10	208-GĐ3	TA
INT3514	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong CNTT	2	INT3514 20	85	TS. Nguyễn Thành Luân	7	1-2	105-GĐ3	CL
	Lựa chọn 7 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến ngành	7		45					

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3228E	Thiết kế và phân tích thực nghiệm (môn tự chọn)	4	INT3228E 20	60	PGS.TS. Nguyễn Hải Châu	5	2-5	207-GĐ3	TA
INT3230E	Mật mã và An toàn thông tin (môn tự chọn)	4	INT3230E 20	60	TS. Lê Phê Đô	3	7-10	210-GĐ3	TA
INT3506E	Các hệ thống thương mại điện tử (môn tự chọn)	3	INT3506E 20	60	PGS.TS. Trần Trọng Hiếu	6	10-12	210-GĐ3	TA
INT3501E	Khoa học dịch vụ (môn tự chọn)	3	INT3501E 20	60	PGS.TS. Hà Quang Thụy	6	7-9	210-GĐ3	TA
INT3233E	Khai phá dữ liệu hướng lĩnh vực (môn tự chọn)	4	INT3233E 20	60	TS. Trần Mai Vũ	4	9-12	205-GĐ3	TA
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL1001 22	90	Trường KHXXNV	5	11-12	3-G3	CL
INT3131	Dự án khoa học (môn tự chọn)	3	INT3131 20	300	TS. Lê Đức Trọng	CN	1-5	Khoa CNTT	CL
INT3132	Dự án công nghệ (môn tự chọn)	3	INT3132 20	300	TS. Lê Đức Trọng	CN	7-11	Khoa CNTT	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-T-CLC									
INT3225E	Thông minh kinh doanh	4	INT3225E 20	60	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	6	1-4	307-GĐ2	TA
INT2045E	Quản lý dự án HTTT	4	INT2045E 20	60	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa	4	3-6	210-GĐ3	TA
	Lựa chọn 8 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến ngành	8		60					
INT3228E	Thiết kế và phân tích thực nghiệm (môn tự chọn)	4	INT3228E 20	60	PGS.TS. Nguyễn Hải Châu	5	2-5	207-GĐ3	TA
INT3230E	Mật mã và An toàn thông tin (môn tự chọn)	4	INT3230E 20	60	TS. Lê Phê Đô	3	7-10	210-GĐ3	TA
INT3506E	Các hệ thống thương mại điện tử (môn tự chọn)	3	INT3506E 20	60	PGS.TS. Trần Trọng Hiếu	6	10-12	210-GĐ3	TA
INT3501E	Khoa học dịch vụ (môn tự chọn)	3	INT3501E 20	60	PGS.TS. Hà Quang Thụy	6	7-9	210-GĐ3	TA
INT3233E	Khai phá dữ liệu hướng lĩnh vực (môn tự chọn)	4	INT3233E 20	60	TS. Trần Mai Vũ	4	9-12	205-GĐ3	TA
INT3131	Dự án khoa học (môn tự chọn)	3	INT3131 20	300	TS. Lê Đức Trọng	CN	1-5	Khoa CNTT	CL
INT3132	Dự án công nghệ (môn tự chọn)	3	INT3132 20	300	TS. Lê Đức Trọng	CN	7-11	Khoa CNTT	CL
Ngành Khoa học máy tính CLC									
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2022-I/CQ-CA-CLC									
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 25	40	Trường ĐHNH	4	1-5	215-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 26	40	Trường ĐHNH	4	1-5	216-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 27	40	Trường ĐHNH	5	7-11	104-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 28	40	Trường ĐHNH	5	7-11	213-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 29	40	Trường ĐHNH	7	7-11	215-GĐ3	CL
FLF1107	Tiếng Anh B1	5	FLF1107 30	40	Trường ĐHNH	7	7-11	216-GĐ3	CL
Lớp số 1									
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 21	85	TS. Lê Phê Đô	5	1-3	105-GĐ3	CL
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 22	90	PGS.TS. Nguyễn Hải Châu	3	7-8	301-G2	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211E 22	90	PGS.TS. Nguyễn Hải Châu	6	3-4	Học online	TA

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 22	30	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	4	9-10	PM201-G2	1
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 22	30	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	4	7-8	PM201-G2	2
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 22	30	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	4	11-12	PM201-G2	3
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 22	90	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà	3	9-10	301-G2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 22	90	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà	6	5-6	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 22	30	ThS. Vương Thị Hải Yến	4	7-8	PM202-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 22	30	ThS. Vương Thị Hải Yến	4	9-10	PM202-G2	2
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 22	30	ThS. Vương Thị Hải Yến	3	3-4	PM401-E5	3
INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	INT2212E 22	84	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	6	7-10	308-GĐ2	TA
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 22	90	TS. Nguyễn Văn Sơn	5	4-5	105-GĐ3	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 22	30	Khoa CNTT	7	3-4	PM307-G2	1
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 22	30	Khoa CNTT	7	1-2	PM307-G2	2
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 22	30	Khoa CNTT	3	1-2	PM401-E5	3
Lớp số 2									
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 22	85	TS. Đặng Thanh Hải	4	7-9	105-GĐ3	CL
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 23	90	TS. Dư Phương Hạnh	6	4-5	107-GĐ3	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211E 23	90	TS. Dư Phương Hạnh	2	1-2	Học online	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 23	30	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	5	1-2	PM401-E5	1
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 23	30	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	5	5-6	PM401-E5	2
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 23	30	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	5	3-4	PM401-E5	3
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 23	90	TS. Lê Quang Hiếu	6	10-11	105-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 23	90	TS. Lê Quang Hiếu	2	3-4	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 23	30	ThS. Kiều Hải Đăng	3	7-8	PM307-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 23	30	ThS. Kiều Hải Đăng	3	9-10	PM307-G2	2
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 23	30	ThS. Kiều Hải Đăng	3	11-12	PM307-G2	3
INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	INT2212E 23	90	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa	2	7-10	106-GĐ3	TA
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 23	90	TS. Trần Hoàng Việt	7	4-5	106-GĐ3	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 23	30	Khoa CNTT	3	9-10	PM208-G2	1
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 23	30	Khoa CNTT	3	11-12	PM208-G2	2
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 23	30	Khoa CNTT	3	7-8	PM208-G2	3
Lớp số 3									

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 23	85	TS. Đặng Cao Cường	7	1-3	107-GĐ3	CL
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 24	90	ThS. Vũ Bá Duy	2	7-8	107-GĐ3	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211E 24	90	ThS. Vũ Bá Duy	4	3-4	Học online	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 24	30	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân	6	7-8	PM401-E5	1
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 24	30	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân	6	9-10	PM401-E5	2
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 24	30	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân	6	4-5	PM304-G2	3
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 24	90	TS. Lê Quang Hiếu	3	4-5	105-GĐ3	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 24	90	TS. Lê Quang Hiếu	4	1-2	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 24	30	ThS. Ngô Xuân Trường	6	11-12	PM501-E5	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 24	30	ThS. Ngô Xuân Trường	6	7-8	PM501-E5	2
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 24	30	ThS. Ngô Xuân Trường	6	9-10	PM501-E5	3
INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	INT2212E 24	90	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa	5	1-4	106-GĐ3	TA
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 24	90	TS. Võ Đình Hiếu	3	10-11	105-GĐ3	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 24	30	Khoa CNTT	5	11-12	PM501-E5	1
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 24	30	Khoa CNTT	5	9-10	PM501-E5	2
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 24	30	Khoa CNTT	5	7-8	PM501-E5	3
Lớp số 4									
MAT1101	Xác suất thống kê (môn tự chọn)	3	MAT1101 24	80	TS. Đặng Cao Cường	6	9-11	101-G2	CL
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 25	80	TS. Lê Hồng Hải	6	7-8	101-G2	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu (học tuần 2-9)	4	INT2211E 25	80	TS. Lê Hồng Hải	2	3-4	Học online	TA
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 25	40	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trang	3	3-4	PM201-G2	1
INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	INT2211E 25	40	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trang	3	5-6	PM201-G2	2
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 25	80	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh	2	9-10	107-G2	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học tuần 2-9)	4	INT2210 25	80	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh	2	1-2	Học online	CL
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 25	40	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang A	3	7-8	PM207-G2	1
INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	INT2210 25	40	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang A	3	9-10	PM207-G2	2
INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	INT2212E 25	80	PGS.TS. Trần Trọng Hiếu	4	7-10	103-G2	TA
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 25	80	TS. Vũ Thị Hồng Nhạn	2	7-8	107-G2	CL
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 25	40	Khoa CNTT	5	1-2	PM202-G2	1
INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	INT2204 25	40	Khoa CNTT	5	3-4	PM202-G2	2
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2021-I/CQ-CA-CLC									

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
Lớp số 1									
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL1001 20	80	Trường KHXHNV	5	7-8	3-G3	CL
INT2044E	Lý thuyết thông tin	3	INT2044E 21	80	PGS.TS. Nguyễn Phương Thái	7	4-6	107-G2	TA
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 21	60	TS. Đàm Quang Thắng	7	1-2	102-GĐ3	CL
Lớp số 2									
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL1001 21	80	Trường KHXHNV	5	9-10	3-G3	CL
INT2044E	Lý thuyết thông tin	3	INT2044E 22	80	PGS.TS. Nguyễn Phương Thái	2	10-12	103-G2	TA
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 22	60	TS. Đàm Quang Thắng	7	3-4	102-GĐ3	CL
Lớp số 3									
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL1001 22	90	Trường KHXHNV	5	11-12	3-G3	CL
INT2044E	Lý thuyết thông tin	3	INT2044E 23	80	Khoa CNTT	2	7-9	102-GĐ3	TA
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 23	60	TS. Đàm Quang Thắng	7	5-6	102-GĐ3	CL
	Lựa chọn 9 tín chỉ thuộc khối kiến thức ngành	9							
INT3303	Mạng không dây (môn tự chọn)	3	INT3303 20	80	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn	3	1-3	309-GĐ2	CL
INT3105	Kiến trúc phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3105 20	70	TS. Võ Đình Hiếu	7	4-6	206-GĐ3	CL
INT3110E	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (môn tự chọn)	3	INT3110E 20	60	TS. Đặng Đức Hạnh	6	10-12	206-GĐ3	TA
INT3110E	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (môn tự chọn)	3	INT3110E 21	60	PGS.TS. Trương Ninh Thuận	2	10-12	207-GĐ3	TA
INT3110E	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (môn tự chọn)	3	INT3110E 22	60	TS. Tô Văn Khánh	2	3-5	211-GĐ3	TA
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 20	70	TS. Nguyễn Văn Sơn	7	7-9	207-GĐ3	CL
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 21	70	TS. Nguyễn Văn Sơn	5	10-12	209-GĐ3	CL
INT3133	Kỹ nghệ yêu cầu (môn tự chọn)	3	INT3133 20	60	TS. Đặng Đức Hạnh	5	4-6	208-GĐ3	CL
INT3111E	Quản lý dự án phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3111E 20	80	PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng	6	7-9	103-G2	TA
INT3111E	Quản lý dự án phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3111E 21	80	PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng	3	7-9	105-GĐ3	TA
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 20	80	TS. Lê Khánh Trinh	5	4-6	205-GĐ3	CL
INT3206	Cơ sở dữ liệu phân tán (môn tự chọn)	3	INT3206 20	60	ThS. Vũ Bá Duy	6	7-9	206-GĐ3	CL
INT3407E	Tin sinh học (môn tự chọn)	3	INT3407E 20	60	TS. Đặng Cao Cường	7	8-10	205-GĐ3	TA
INT3121	Các chuyên đề trong KHMT (môn tự chọn)	3	INT3121 20	60	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy	3	7-9	205-GĐ3	CL
INT3121	Các chuyên đề trong KHMT (môn tự chọn)	3	INT3121 21	60	PGS.TS. Lê Thanh Hà	2	7-9	207-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3405E	Học máy (môn tự chọn)	3	INT3405E 20	70	TS. Lê Đức Trọng	3	4-6	106-GĐ3	TA
INT3405E	Học máy (môn tự chọn)	3	INT3405E 21	70	TS. Tạ Việt Cường	2	4-6	207-GĐ3	TA
INT3406E	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (môn tự chọn)	3	INT3406E 20	50	TS. Nguyễn Văn Vinh	6	1-3	207-GĐ3	TA
INT3406E	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (môn tự chọn)	3	INT3406E 21	50	TS. Đặng Trần Bình	7	1-3	207-GĐ3	TA
INT3409	Rô-bốt (môn tự chọn)	3	INT3409 20	50	TS. Tạ Việt Cường	2	1-3	101-G2	CL
INT3412E	Thị giác máy (môn tự chọn)	3	INT3412E 20	60	PGS.TS. Lê Thanh Hà	4	7-9	207-GĐ3	TA
INT3412E	Thị giác máy (môn tự chọn)	3	INT3412E 21	60	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	6	4-6	207-GĐ3	TA
INT2041	Tương tác người máy (môn tự chọn)	3	INT2041 20	60	TS. Ngô Thị Duyên	4	7-9	209-GĐ3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng web (môn tự chọn)	3	INT3306 22	60	TS. Lê Đình Thanh	4	1-2	210-GĐ3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng web (môn tự chọn)	3	INT3306 22	30	ThS. Đào Minh Thư	4	1-2	PM304-G2	1
INT3306	Phát triển ứng dụng web (môn tự chọn)	3	INT3306 22	30	ThS. Đào Minh Thư	4	3-4	PM304-G2	2
INT3307E	An toàn và an ninh mạng (môn tự chọn)	3	INT3307E 21	60	TS. Nguyễn Đại Thọ	4	10-12	207-GĐ3	TA
INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng (môn tự chọn)	3	INT3301 20	50	TS. Lê Thị Hoi	7	1-5	PM304-G2	CL
INT3512	Lập trình thi đấu (môn tự chọn)	3	INT3512 20	60	ThS. Hồ Đắc Phương	4	7-9	208-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên khóa QH-2020-I/CQ-CA-CLC									
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 20	80	TS. Hoàng Thị Hải Yến	5	1-2	3-G3	CL
UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	UET1002 24	90	TS. Hoàng Thị Hải Yến	5	3-4	3-G3	CL
INE1050	Kinh tế vi mô (môn tự chọn)	3	INE1050 20	80	PGS.TS. Trần Thị Lan Hương	3	1-3	105-GĐ3	CL
	Lựa chọn 12 tín chỉ thuộc khối kiến thức ngành	12							
INT3303	Mạng không dây (môn tự chọn)	3	INT3303 20	80	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn	3	1-3	309-GĐ2	CL
INT3131	Dự án khoa học (môn tự chọn)	3	INT3131 20	300	TS. Lê Đức Trọng	CN	1-5	Khoa CNTT	CL
INT3132	Dự án công nghệ (môn tự chọn)	3	INT3132 20	300	TS. Lê Đức Trọng	CN	7-11	Khoa CNTT	CL
INT3105	Kiến trúc phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3105 20	70	TS. Võ Đình Hiếu	7	4-6	206-GĐ3	CL
INT3110E	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (môn tự chọn)	3	INT3110E 20	60	TS. Đặng Đức Hạnh	6	10-12	206-GĐ3	TA
INT3110E	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (môn tự chọn)	3	INT3110E 21	60	PGS.TS. Trương Ninh Thuận	2	10-12	207-GĐ3	TA
INT3110E	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (môn tự chọn)	3	INT3110E 22	60	TS. Tô Văn Khánh	2	3-5	211-GĐ3	TA
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 20	70	TS. Nguyễn Văn Sơn	7	7-9	207-GĐ3	CL
INT3117	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3117 21	70	TS. Nguyễn Văn Sơn	5	10-12	209-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên/ Trợ giảng	Thứ	Tiết	Giảng đường	Nhóm
INT3133	Kỹ nghệ yêu cầu (môn tự chọn)	3	INT3133 20	60	TS. Đặng Đức Hạnh	5	4-6	208-GĐ3	CL
INT3111E	Quản lý dự án phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3111E 20	80	PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng	6	7-9	103-G2	TA
INT3111E	Quản lý dự án phần mềm (môn tự chọn)	3	INT3111E 21	80	PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng	3	7-9	105-GĐ3	TA
INT3120	Phát triển ứng dụng di động (môn tự chọn)	3	INT3120 20	80	TS. Lê Khánh Trinh	5	4-6	205-GĐ3	CL
INT3206	Cơ sở dữ liệu phân tán (môn tự chọn)	3	INT3206 20	60	ThS. Vũ Bá Duy	6	7-9	206-GĐ3	CL
INT3407E	Tin sinh học (môn tự chọn)	3	INT3407E 20	60	TS. Đặng Cao Cường	7	8-10	205-GĐ3	TA
INT3121	Các chuyên đề trong KHMT (môn tự chọn)	3	INT3121 20	60	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy	3	7-9	205-GĐ3	CL
INT3121	Các chuyên đề trong KHMT (môn tự chọn)	3	INT3121 21	60	PGS.TS. Lê Thanh Hà	2	7-9	207-GĐ3	CL
INT3405E	Học máy (môn tự chọn)	3	INT3405E 20	70	TS. Lê Đức Trọng	3	4-6	106-GĐ3	TA
INT3405E	Học máy (môn tự chọn)	3	INT3405E 21	70	TS. Tạ Việt Cường	2	4-6	207-GĐ3	TA
INT3406E	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (môn tự chọn)	3	INT3406E 20	50	TS. Nguyễn Văn Vinh	6	1-3	207-GĐ3	TA
INT3406E	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (môn tự chọn)	3	INT3406E 21	50	TS. Đặng Trần Bình	7	1-3	207-GĐ3	TA
INT3409	Rô-bốt (môn tự chọn)	3	INT3409 20	50	TS. Tạ Việt Cường	2	1-3	101-G2	CL
INT3412E	Thị giác máy (môn tự chọn)	3	INT3412E 20	60	PGS.TS. Lê Thanh Hà	4	7-9	207-GĐ3	TA
INT3412E	Thị giác máy (môn tự chọn)	3	INT3412E 21	60	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	6	4-6	207-GĐ3	TA
INT2041	Tương tác người máy (môn tự chọn)	3	INT2041 20	60	TS. Ngô Thị Duyên	4	7-9	209-GĐ3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng web (môn tự chọn)	3	INT3306 22	60	TS. Lê Đình Thanh	4	1-2	210-GĐ3	CL
INT3306	Phát triển ứng dụng web (môn tự chọn)	3	INT3306 22	30	ThS. Đào Minh Thư	4	1-2	PM304-G2	1
INT3306	Phát triển ứng dụng web (môn tự chọn)	3	INT3306 22	30	ThS. Đào Minh Thư	4	3-4	PM304-G2	2
INT3307E	An toàn và an ninh mạng (môn tự chọn)	3	INT3307E 21	60	TS. Nguyễn Đại Thọ	4	10-12	207-GĐ3	TA
INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng (môn tự chọn)	3	INT3301 20	50	TS. Lê Thị Hợi	7	1-5	PM304-G2	CL
INT3512	Lập trình thi đấu (môn tự chọn)	3	INT3512 20	60	ThS. Hồ Đắc Phương	4	7-9	208-GĐ3	CL

Lưu ý:

- Thời khóa biểu trên chưa bao gồm các lớp học phần Giáo dục thể chất. Lịch học các lớp học phần này PĐT sẽ thông báo sau.
- CL: Cả lớp;
- TA: Các lớp học phần giảng dạy bằng ngôn ngữ Tiếng Anh;
- 1÷10: Nhóm (thực hành/bài tập) 1÷10;
- Các lớp học phần thực tập học theo hướng dẫn cụ thể của Khoa, Viện, Bộ môn;
- Sinh viên đăng ký Khóa luận tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp trực tiếp tại văn phòng của Khoa, Viện, Bộ môn;

- Hệ thống Website môn học: <https://courses.uet.vnu.edu.vn> được triển khai phối hợp song song với việc giảng dạy trên giảng đường. Sinh viên thường xuyên truy cập hệ thống để theo dõi thông báo, học liệu, hướng dẫn và quy định của từng lớp học phần (nếu có):
 - * Tài khoản truy cập website môn học: tài khoản email VNU
 - * Tài liệu hướng dẫn sử dụng: tại website môn học hoặc tại địa chỉ: https://www.youtube.com/watch?v=u3O_DGjTXeA